

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 17/2019-NQ.HĐQT-NVLG

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No.68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công ty");  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("the Company");
- Quy chế Quản trị Công ty;  
The Code of Corporation Governance of the Company;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị ("HĐQT") thông qua ngày 04/04/2019.  
The Meeting minutes of the Board of Directors ("BOD") dated April 04<sup>th</sup>, 2019.

### QUYẾT NGHỊ RESOLUTION

**ĐIỀU 1:** Thông qua Dự thảo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

**ARTICLE 1:** Approval for draft agenda of The 2019 Annual General Meeting of Shareholders for General Meeting of Shareholders' approval as follows:

- Thời gian: 08 giờ 00 – 12 giờ 00, Thứ Sáu, ngày 26 tháng 4 năm 2019  
Time: 08:00 AM – 12:00 AM, Friday, April 26<sup>th</sup> 2019
- Địa điểm: Khách sạn InterContinental, số 82 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam  
Venue: InterContinental Hotel, No. 82 Hai Ba Trung Street, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC, Vietnam
- Dự thảo nội dung họp/ Estimated contents:

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

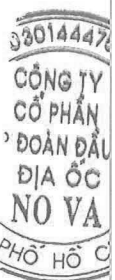


- Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2018;  
*Report of the Board of Directors (“BOD”) in 2018;*
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;  
*Report on Company’s business results in 2018;*
- Báo cáo Tài chính năm 2018 riêng và hợp nhất đã kiểm toán;  
*The Audited Annual Financial Statements in 2018;*
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;  
*Profit distribution in 2018;*
- Kế hoạch kinh doanh năm 2019;  
*Business plan in 2019;*
- Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;  
*Selection of auditor for Annual Financial Statements in 2019;*
- Thù lao HĐQT năm 2018, đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2019;  
*The remuneration of BOD in 2018, proposed remuneration of BOD in 2019;*
- Việc từ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT;  
*The resignation of Independent member of BOD;*
- Bầu Thành viên độc lập HĐQT;  
*Election of Independent member of BOD;*
- Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;  
*Amendment and supplement to the Company’s business lines;*
- Phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2019;  
*Shares issuance under Y2019 Employee Stock Ownership Plan;*
- Điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi;  
*Amendment of issuing time of Ordinary Shares for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares;*
- Các vấn đề khác (nếu có).  
*Other issues (if any).*

**ĐIỀU 2:** HĐQT thống nhất trao quyền cho Chủ tịch HĐQT của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật.

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*



**ARTICLE 2:** *The BOD authorizes Chairman of the BOD to perform necessary procedures in accordance with law.*

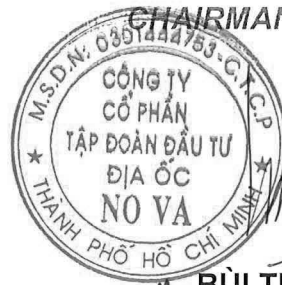
**ĐIỀU 3:** HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, các Phòng/Ban và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**ARTICLE 3:** *The BOD, Board of Management, departments and related individuals are required to executive the task in accordance with this Resolution.*

**ĐIỀU 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ARTICLE 4:** *This Resolution shall be effective from the date of signing.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ON BEHALF OF THE BOARD**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD**



**BÙI THÀNH NHƠN**



Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP DỰ KIẾN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**ESTIMATED MEETING AGENDA**  
**THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**  
**OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Thời gian:** 08:00 – 12:00, Thứ sáu, ngày 26 tháng 4 năm 2019

*Time: 8:00 AM – 12:00 AM, Friday, April 26<sup>th</sup>, 2019*

**Địa điểm:** Khách sạn InterContinental, 82 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

*Venue: InterContinental Hotel, 82 Hai Ba Trung Street, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC*

| Thời gian<br><i>Time</i> | Nội dung chương trình/ <i>Meeting agenda</i>                                                                                                                                                                                                                                                     | Phụ trách<br><i>Person in charge</i>                                                       |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|                          | <b>Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 (ĐHĐCĐ)</b><br><i>Opening Ceremony of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (AGM)</i>                                                                                                                                        |                                                                                            |
| 08:00 – 08:30            | Công ty đón tiếp Cổ đông và Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ<br>Ban Kiểm tra tư cách cổ đông (Ban KT TCCĐ) kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự và phát tài liệu cuộc họp cho Cổ đông<br><i>Welcome and registration for AGM Verification of Shareholders' eligibility and AGM documents delivering</i> | Ban KT TCCĐ/<br><i>Shareholders' Eligibility Verification Committee</i>                    |
| 08:30 – 08:40            | Trưởng ban KT TCCĐ giới thiệu Ban KT TCCĐ báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ<br><i>Introduction of Shareholders' Eligibility Verification Committee and report by The Head of Shareholders' Eligibility Verification Committee</i>                                           | Trưởng ban KT TCCĐ/<br><i>The Head of Shareholders' Eligibility Verification Committee</i> |
| 08:40 – 08: 55           | Khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự<br><i>Opeing session, introduction of Participants</i>                                                                                                                                                                                 | BTC/<br><i>Organization Committee</i>                                                      |
|                          | Giới thiệu Ban lãnh đạo/ <i>Introduction of the Board of Leader</i>                                                                                                                                                                                                                              | BTC/<br><i>Organization Committee</i>                                                      |
|                          | Giới thiệu HĐQT/ <i>Introduction of the Board of Directors (BOD)</i>                                                                                                                                                                                                                             | BTC/<br><i>Organization Committee</i>                                                      |
|                          | Giới thiệu Đại diện Hội đồng Phát triển bền vững/<br><i>Introduction of representatives of Sustainable Development Council</i>                                                                                                                                                                   | BTC/<br><i>Organization Committee</i>                                                      |
|                          | Giới thiệu Khách mời/ <i>Introduction of the honored guests</i>                                                                                                                                                                                                                                  | BTC/<br><i>Organization Committee</i>                                                      |
| 08:55 – 09:05            | Giới thiệu và thông qua Quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ<br><i>Introduction and approval of Regulation on organization, voting and election in AGM</i>                                                                                                                      | BTC/<br><i>Organization Committee</i>                                                      |



|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                       |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|               | Giới thiệu và thông qua chương trình làm việc tại ĐHĐCĐ<br><i>Introduction and approval of AGM's agenda</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | BTC/<br><i>Organization Committee</i> |
| 09:05 – 09:15 | Theo Điều lệ và Quy chế làm việc đã được thông qua Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử thành phần Đoàn Chủ tịch và thành phần Ban Thư ký, thành phần Ban Bầu cử và Kiểm phiếu (Ban BC&K)<br><i>Pursuant to the Charter and Regulation on organization, the Chairman as the Chairperson shall appoint Chairing Board's Members, Committee Secretary and Board of Election and Voting</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | BTC/<br><i>Organization Committee</i> |
|               | Giới thiệu Đoàn Chủ tịch<br><i>Introduction of The Meeting Presidium</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | BTC/<br><i>Organization Committee</i> |
|               | Giới thiệu Ban Thư ký<br><i>Introduction of Committee Secretary</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | BTC/<br><i>Organization Committee</i> |
|               | Giới thiệu và thông qua Ban BC&KP<br><i>Introduction of Board of Election and Voting</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | BTC/<br><i>Organization Committee</i> |
| 09:15 – 09:20 | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) phát biểu khai mạc Đại hội<br><i>The Chairman's opening speech</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Chủ tịch HĐQT/<br><i>The Chairman</i> |
|               | <b>Trình bày, biểu quyết và thông qua các Tờ trình của ĐHĐCĐ</b><br><b><i>Presentation, voting and approval of AGM's Proposals</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                       |
| 09:20 – 09:25 | (1) Báo cáo hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc/<br><i>The BOD and BOM's report</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TV HĐQT/<br><i>The BOD member</i>     |
| 09:25 – 10:10 | (2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018<br><i>Report on Company's business results in 2018</i><br>(3) Báo cáo tài chính năm 2018 riêng và hợp nhất đã kiểm toán<br><i>The Audited Annual Financial Statements in 2018</i><br>(4) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018<br><i>Profit distribution in 2018</i><br>(5) Kế hoạch kinh doanh năm 2019<br><i>Business plan in 2019</i><br>(6) Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019<br><i>Selection of auditor for Annual Financial Statements in 2019</i><br>(7) Thù lao HĐQT năm 2018, đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2019<br><i>The remuneration of BOD in 2018, the proposed remuneration of BOD in 2019</i> | BTGD/<br><i>The BOM member</i>        |
|               | (8) Việc từ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT<br><i>The resignation of Independent member of BOD</i><br>(9) Việc bầu Thành viên độc lập HĐQT<br><i>Election of Independent member of BOD</i><br>(10) Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty<br><i>Amendment and supplement to the Company's business lines</i><br>(11) Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2019                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TV HĐQT /<br><i>The BOD member</i>    |

|                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                   |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|                                                   | <i>Shares issuance under Y2019 Employee Stock Ownership Plan</i><br>(12) Điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi<br><i>Amendment of issuing time of Ordinary Shares for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares</i><br>(13) Các vấn đề khác (nếu có)<br><i>Other issues (if any)</i> |                                                   |
| 10:10 – 10:55                                     | Trao đổi và giải đáp/ <i>Question &amp; Answer</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đoàn chủ tịch/<br><i>Chairing Board's Members</i> |
| 10:55 – 11:35                                     | Bỏ phiếu thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ/ <i>Voting</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐHĐCĐ/ AGM                                        |
|                                                   | Bỏ phiếu bầu cử TV độc lập HĐQT/ <i>Voting for the Independent member of BOD</i>                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐHĐCĐ/ AGM                                        |
|                                                   | Giải lao / <i>Tea break</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | BTC/<br><i>Organization Committee</i>             |
| 11:35 – 11:45                                     | Công bố biên bản kiểm phiếu các vấn đề tại ĐH<br>Công bố kết quả bầu cử<br><i>Results of voting and election</i>                                                                                                                                                                                                                                         | Ban BC&KP/<br><i>Board of Election and Voting</i> |
| 11:45 – 11:55                                     | Công bố Biên bản ĐHĐCĐ/ <i>The release of Meeting Minutes of AGM</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ban Thư ký/<br><i>Secretary Committee</i>         |
|                                                   | Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ/ <i>Approval of Meeting Minutes of AGM</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                      | ĐHĐCĐ/ AGM                                        |
| <b>Thủ tục bế mạc ĐHĐCĐ / AGM Closing session</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                   |
| 11:55 – 12:00                                     | Tuyên bố bế mạc ĐHĐCĐ/ <i>AGM Closing session</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | BTC/<br><i>Organization Committee</i>             |

TP. HCM, ngày 05 tháng 4 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 05<sup>th</sup>, 2019

**THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG  
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**

**INVITATION LETTER OF THE 2019 ANNUAL  
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

Kính gửi Quý Cổ đông/ Dear Shareholder:

Địa chỉ/ Address:

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKDN:

ID card/ Passport / Business License No.:

Ngày cấp:

Date of issue:

Nơi cấp:

Place of issue:

Số cổ phần sở hữu: .....cổ phần

Number of owned shares:..... shares

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“Công ty”) trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự  
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 (“ĐHĐCĐ”) với thông tin chi tiết như sau:**

No Va Land Investment Group Corporation (“the Company”) hereby invites esteemed Shareholders of the  
Company to attend the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (“AGM”) which will be held on:

1

**Thời gian/ Time**

**08:00 – 12:00**

Thứ Sáu, ngày 26 tháng 4 năm 2019  
Friday, April 26<sup>th</sup>, 2019

2

**Địa điểm/ Venue**

**Khách sạn InterContinental/ InterContinental Hotel**

**Địa chỉ/ Address:** 82 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, TP. HCM, Việt Nam  
82 Hai Ba Trung Street, Ben Nghe Ward, District 1,  
HCMC, Vietnam

3

**Dự thảo Nội dung Cuộc họp/ Estimated Contents**

Thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông, chi tiết như sau:  
With the following AGM agenda:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2018;  
Report of the Board of Directors (“BOD”) in 2018;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;  
Report on Company’s business results in 2018;
- Báo cáo Tài chính năm 2018 riêng và hợp nhất đã kiểm toán;  
The Audited Annual Financial Statements of the Company in 2018;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;  
Profit distribution in 2018;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2019;  
Business plan in 2019;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;  
Selection of auditor for Annual Financial Statements in 2019;

(Xem tiếp trang sau/ To be continued on next page)

- Thù lao HĐQT năm 2018, đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2019;  
*The remuneration of BOD in 2018, proposed remuneration of BOD in 2019;*
- Việc từ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT;  
*The resignation of Independent member of BOD;*
- Bầu Thành viên độc lập HĐQT;  
*Election of Independent member of BOD;*
- Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;  
*Amendment and supplement to the Company's business lines;*
- Phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2019;  
*Shares issuance under Y2019 Employee Stock Ownership Plan;*
- Điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi;  
*Amendment of issuing time of Ordinary Shares for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares;*
- Các vấn đề khác (nếu có).  
*Other issues (if any).*

4

**Đối tượng tham dự/ Participants:**

Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo Danh sách cổ đông chốt đến hết ngày 26/3/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

*The Shareholder, whose name appears in the List of Shareholders at the record date of March 26<sup>th</sup>, 2019 issued by Vietnam Securities Depository, shall be entitled to attend AGM.*

5

**Đăng ký tham dự Đại hội/ The procedure of participation:**

Cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ vui lòng mang theo:

*The Shareholders or Authorized representative shall be kindly requested to present:*

- Bản chính Thư mời họp ĐHĐCĐ của Công ty;  
*The original Invitation Letter;*
- Bản chính Chứng minh nhân dân/ Căn cước Công dân/ Hộ chiếu;  
*The original ID card/ Passport;*
- Bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty (đối với trường hợp nhận ủy quyền).  
*The original Proxy Letter under the Company's form (in the case of the authorized person).*

6

**Tài liệu họp ĐHĐCĐ/ Documents for AGM:**

Quý Cổ đông vui lòng tham khảo tại Website Công ty (Mục Quan hệ đầu tư - Đại hội đồng cổ đông - 2019):

<https://www.novaland.com.vn/quan-he-dau-tu/dai-hoi-dong-co-dong/2019>

*Please kindly refer to the Company's Website for details (Investor Relations - GMS - 2019):*

<https://www.novaland.com.vn/en-US/investor-relations/gms/2019-1>

Rất mong Quý Cổ đông thu xếp thời gian tham dự đầy đủ và đúng giờ.

*Your attendance and participation are highly appreciated.*

Trân trọng/ *Sincerely yours,*

TM. Hội đồng Quản trị/ *On behalf of the Board of Directors*

**BÙI THÀNH NHƠN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ *Chairman of the Board of Directors*



## GIẤY ỦY QUYỀN/ PROXY LETTER

V/v: Tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (gọi tắt là ĐHĐCĐ)

Re.: The exercise of Shareholder rights at the 2019 Annual General Meeting of Shareholders  
of No Va Land Investment Group Corporation (Acronym AGM)

Tên Cổ đông/ Name of Shareholder: .....

Địa chỉ/ Trụ sở chính/ Address/ Head Office: .....

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/GCNĐKDN/ ID card/ Passport / Business License No.: .....

Ngày cấp/ Date of issue: .....

Nơi cấp/ Place of issue: .....

Họ tên Người đại diện pháp luật (nếu có)/ Full name of Legal representative (if any): .....

Số cổ phần sở hữu/ Number of owned shares: .....

**Theo Thư mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 (“ĐHĐCĐ”) được tổ chức vào ngày 26/4/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“Công ty”), Tôi/Chúng tôi xin xác nhận ủy quyền tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2019 của Công ty như sau:**

*According to the Company's Invitation Letter for the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (“AGM”) of No Va Land Investment Group Corporation (“the Company”) to be held on April 26<sup>th</sup> 2019, I/We would like to confirm my/our authorization at the AGM as follows:*

Vui lòng đánh dấu “✓” vào 01 ô được lựa chọn/ Please tick “✓” in a selected box:

☐ Ủy quyền cho Ông/Bà có tên sau đây/ Hereby authorize to Mr./ Ms.:

Họ và tên/ Full name: .....

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ID card/ Passport No.: .....

Ngày cấp/ Date of issue: .....

Nơi cấp/ Place of issue: .....

Địa chỉ/ Address: .....

**Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty/ Hereby authorize to the Board of Directors' Member of the Company:**

☐ Bà HOÀNG THU CHÂU/ Ms. HOANG THU CHAU

☐ Ông BUI XUÂN HUY/ Mr. BUI XUAN HUY

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại ĐHĐCĐ của Công ty được tổ chức ngày 26/4/2019.

*The Authorized person is permitted to attend the Company's AGM which will be held on April 26<sup>th</sup>, 2019 to attend and exercise the Shareholder's rights.*

Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại, kiện tụng gì đối với Công ty.

*I/We take responsibility for my/our authorization. I/We will undertake that I/We comply with the regulations in accordance with the law as well as the Company's Charter. I/We commit not to sue the Company for my/our authorization.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 26/4/2019.

*This Proxy Letter will be effective from the date of signing to end of April 26<sup>th</sup>, 2019.*

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019  
.....2019

**Người được ủy quyền/ Authorized person**  
(Ký ghi rõ họ tên)/ (Signature with the full name)

**Người ủy quyền/ Shareholder**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu Cổ đông là tổ chức)  
(Signature with full name, stamped if institutional shareholder)

**Lưu ý/Notes:**

- Người được ủy quyền vui lòng mang theo Bản chính CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu; Thư mời tham dự họp ĐHĐCĐ và Giấy ủy quyền do Công ty phát hành khi tham dự ĐHĐCĐ.  
*The Authorized person has to bring the original ID card/ Passport, Invitation Letter and Proxy Letter issued by the Company while attending the AGM.*
- Trường hợp Cổ đông ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Cổ đông vui lòng gửi bản chính Giấy ủy quyền về Văn phòng Công ty trước ngày 24/4/2019 với thông tin liên hệ như sau:  
*In case the Shareholder authorize to the Board of Directors' Members of the Company, please send the original Proxy Letter to the Company's Office before April 24<sup>th</sup>, 2019 via:*
  - Địa chỉ: 65 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM, Việt Nam;  
*Address: 65 Nguyen Du Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam;*
  - Người liên hệ: Bà Trần Thị Kim Khuyên (0906.35.38.38 - Ext: 2547), Văn phòng Hội đồng Quản trị.  
*Contact: Ms. Tran Thi Kim Khuyen (0906.35.38.38 - Ext: 2547), Office of the Board of Directors.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No.: 12/2019-TB-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup> 2019

## THÔNG BÁO NOTICE

**V/v: Đề cử, ứng cử bầu bổ sung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2021**  
*Re.: Nominating, standing for subsequent election to the Independent member of the Board of Directors for the term 2016 – 2021*

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va**

*To: Esteemed Shareholders of No Va Land Investment Group Corporation*

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“**Công Ty**”) trân trọng thông báo về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2021 như sau:

*The Board of Directors (“BOD”) of No Va Land Investment Group Corporation (“The Company”) would like to inform the nomination, candidacy for subsequent election of the Independent BOD member for the term 2016 – 2021 as below:*

**I. Số lượng thành viên độc lập HĐQT dự kiến bầu bổ sung: 01 thành viên.**

*The number of Independent BOD members for subsequent election as estimated: 01 member.*

**II. Tiêu chuẩn và điều kiện đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT:**

*Criteria and conditions for the nomination, candidacy of the Independent BOD member:*

**1. Điều kiện đề cử, ứng cử:**

*Conditions for nominating, standing:*

Các Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công Ty và Điều 11 Dự thảo Quy chế làm việc, biểu quyết và bầu cử.

*Shareholders holds 10% or more of the total voting shares for at least six (06) months consecutively have the right to combine the voting rights of each person to nominate candidates to the BOD as regulated under Article 34 of The Company’s Charter and Article 11 of the Draft regulations on working, voting and election.*

**2. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên độc lập HĐQT:**

*Criteria and conditions of the Independent BOD member:*

Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều 10 Dự thảo Quy chế làm việc, biểu quyết và bầu cử.

*The Independent BOD member must qualify all criteria and conditions under Law on Enterprises, Law on Securities and Article 10 of the Draft regulations on working, voting and election.*

**III. Hồ sơ đề cử, ứng cử:**

***Documents of nomination, candidacy***

Cổ đông/ Nhóm Cổ đông có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT vui lòng tham khảo thành phần hồ sơ được nêu tại Điều 12.1 của Dự thảo Quy chế làm việc, biểu quyết và bầu cử được đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty (mục Quan hệ đầu tư):

<https://www.novaland.com.vn/quan-he-dau-tu/dai-hoi-dong-co-dong/2019>

*Shareholder/group of shareholders that are qualified for nominating and want to nominate as Independent BOD member, can access the documents as stated by Article 12.1 in the Draft regulations on working, voting and election which has been uploaded via The Company's website (item Investor relations – GMS):*

<https://www.novaland.com.vn/en-US/investor-relations/gms/2019-1>

**IV. Thời hạn đề cử, ứng cử:**

***Deadline for submission:***

Danh sách đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT và hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi về Công Ty trước ngày 23/4/2019 theo địa chỉ sau:

*The list of nominating, standing for the election as Independent BOD member and documents must be sent to The Company before April 23<sup>rd</sup>, 2019 via the following address:*

Văn phòng HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.

Lầu 7, 65 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

*Office of the Board, No Va Land Investment Group Corporation, 7<sup>th</sup> Floor, 65 Nguyen Du Street, Bến Nghé Ward, District 1, Ho Chi Minh City*

Trân trọng,

*Sincerely yours,*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ON BEHALF OF THE BOD**  
**CHAIRMAN OF THE BOD**



**BÙI THANH NHƠN**







**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**

313B-315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP. HCM, Việt Nam

GCNĐKDN số: 0301444753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/09/1992.

**NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

313B-315 Nam Ky Khoi Nghia Street, Ward 7, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

Business Registration Certificate No.: 0301444753 issued by Department of Planning and Investment of HCMC on September 18<sup>th</sup>, 1992.

**MẪU/ FORM**

**THÔNG BÁO ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA BẦU THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NOTICE ON NOMINATION/ SELF - NOMINATION AS NOMINEES FOR ELECTION OF AN INDEPENDENT MEMBER OF THE BOARD**

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**

**To: NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**I. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/ NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ/ LIST OF SHAREHOLDERS/ SHAREHOLDER'S GROUP:**

| STT<br>No.       | Cổ đông<br>Shareholder | CMND/ Hộ chiếu/ GCNĐKDN<br>ID card/ Passport/ Business Liscense No.: |                           |                           | Số CPPT(*)<br>sở hữu<br>Number of<br>owned OS | Tỷ lệ % trên<br>Tổng số CPPT<br>% of total<br>number of OS | Thời gian liên tục sở hữu<br>Start date of owned shares |           | Ký tên, đóng dấu<br>(nếu là tổ chức)<br>Signature, stamped<br>if institutional<br>shareholder |
|------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |                        | Số<br>No.                                                            | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue |                                               |                                                            | Từ<br>From                                              | Đến<br>To |                                                                                               |
| 1                |                        |                                                                      |                           |                           |                                               |                                                            |                                                         |           |                                                                                               |
| 2                |                        |                                                                      |                           |                           |                                               |                                                            |                                                         |           |                                                                                               |
| ...              |                        |                                                                      |                           |                           |                                               |                                                            |                                                         |           |                                                                                               |
| TỔNG CỘNG/ TOTAL |                        |                                                                      |                           |                           |                                               |                                                            |                                                         |           |                                                                                               |

Ghi chú: (\*): Cổ phần phổ thông được viết tắt là CPPT.

Note: (\*): Ordinary share is refer to as OS

**II. DANH SÁCH ỨNG VIÊN/ LIST OF NOMINEES:**

Theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**") và quy định pháp luật, tôi/ chúng tôi ứng cử/ đề cử người có tên dưới đây tham gia ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Pursuant to Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**") and law, I/ We nominate/ self-nominate the following nominees for the Independent member of the Board of Directors:

| STT<br>No. | Họ tên Ứng viên/ <i>Nominee's name</i> | CMND/ Hộ chiếu/ <i>ID Card/ Passport</i> |                                   |                                   | Trình độ học vấn/<br><i>Education level:</i> | Chuyên ngành/<br><i>Professtional level:</i> |
|------------|----------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|            |                                        | Số/ <i>No.</i>                           | Ngày cấp/<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp/<br><i>Place of issue</i> |                                              |                                              |
| 1          |                                        |                                          |                                   |                                   |                                              |                                              |
| 2          |                                        |                                          |                                   |                                   |                                              |                                              |
| ...        |                                        |                                          |                                   |                                   |                                              |                                              |

Tôi/Chúng tôi cam kết các ứng viên nêu trên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công Ty. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Thông báo đề cử/ứng cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty.

*I/We hereby commit that above nominees are qualified criteria and conditions for Independent member of BOD. In addition, I hereby declare that contents as stated above are completely true and in accordance with Law and The Company's Charter.*

Trân trọng kính chào.

*Sincerely yours,*

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019

....., ..... 2019

**Cổ đông/ Đại diện Nhóm Cổ đông**

***Shareholder/ Shareholder's Group representative***

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature, full name)*

## SƠ YẾU LÝ LỊCH CURRICULUM VITAE

(Ứng viên Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị)

*Nominee for the Independent member of the Board of Directors*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên/ <i>Full name</i> :                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Ngày sinh/ <i>Date of birth</i> :                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Trình độ chuyên môn/ <i>Education level</i> :                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Quá trình công tác (ít nhất 05 năm gần nhất, đáp ứng được tiêu chuẩn về chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp)/ <i>Past occupations (at least the last five years, to qualify criteria of profession, management experience according to Law on Enterprises)</i> : | <p>- Từ ...../...../..... đến ...../...../.....:</p> <p>.....</p> <p>- From ...../...../..... to ...../...../.....:</p> <p>.....</p> <p>- Từ ...../...../..... đến ...../...../.....:</p> <p>.....</p> <p>- From ...../...../..... to ...../...../.....:</p> <p>.....</p> |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty/<br><i>Current position at the Company</i> :                                                                                                                                                                                                                               | .....                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/<br><i>Current holding positions in other organizations</i> :                                                                                                                                                                                                         | .....                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tổng số cổ phần phổ thông nắm giữ (tại thời điểm ...../...../2019), trong đó/<br><i>Number of owned Shares (...../2019), with details</i> :                                                                                                                                                                 | ..... cổ phần/ <i>shares</i>                                                                                                                                                                                                                                              |
| + Đại diện sở hữu của tổ chức/<br><i>Authorized representative</i> :                                                                                                                                                                                                                                        | ..... cổ phần/ <i>shares</i>                                                                                                                                                                                                                                              |
| + Cá nhân sở hữu/ <i>Privately owned</i> :                                                                                                                                                                                                                                                                  | ..... cổ phần/ <i>shares</i>                                                                                                                                                                                                                                              |
| Số lượng CP nắm giữ của người có liên quan/ <i>Number of owned shares of related persons</i> :                                                                                                                                                                                                              | ..... cổ phần/ <i>shares</i>                                                                                                                                                                                                                                              |
| Những khoản nợ đối với Công Ty/<br><i>Debts to the Company</i> :                                                                                                                                                                                                                                            | ...../ .....                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Lợi ích liên quan đối với Công Ty/<br><i>Benefit related with the Company</i> :                                                                                                                                                                                                                             | ...../ .....                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty/<br><i>Conflict of interest with the Company</i> :                                                                                                                                                                                                                          | ...../ .....                                                                                                                                                                                                                                                              |

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, với tư cách ứng viên cho vị trí thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Công ty, tôi cam kết mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia vào vị trí thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị một cách cẩn trọng, trung thực trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bổ nhiệm.

*Pursuant to Law on Enterprises and The Company's Charter, I, as an nominee for the position of Independent Member of Board of Directors of the Company. I hereby commit that I qualify full criteria and conditions to applied to this position and commit to carry out the duty of Independent member of Board of Directors carefully and honestly in case I'm appointed.*

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

*I hereby confirm my responsibility for the accuracy of this content and resume is enclosed, commitment to comply strictly with the current provisions of Law and the Company's Charter.*

Trân trọng.  
*Sincerely yours,*

TP. HCM, ngày ..... tháng ..... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ....., 2019

**Người lập**  
***Declaration person***

**PHIẾU BẦU BỔ SUNG MỘT THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**VOTING PAPER FOR SUBSEQUENT ELECTION OF  
THE INDEPENDENT MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS  
IN THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

Cổ đông/Đại diện Cổ đông/Shareholder/ Shareholder's representative:

Số cổ phần sở hữu/ The voting shares owned: \_\_\_\_\_ cổ phần/ shares

Số cổ phần được ủy quyền/ The voting shares authorized: \_\_\_\_\_ cổ phần/ shares

Tổng số phiếu bầu sở hữu/ The total of votes: \_\_\_\_\_ phiếu/ votes

Số phiếu bầu được xác định trên cơ sở số cổ phần Cổ đông đang sở hữu nhân ("x") với **số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu**/The total of votes is defined by the voting shares multiple ("x") by **the number of members of the Board of Directors**.

| STT/ No.                                                                                                    | Họ tên Ứng viên/ Nominees' full name | Số phiếu bầu/ Number of votes |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| 1                                                                                                           |                                      |                               |
| <b>Tổng cộng/ Total</b><br>(Không được vượt quá Tổng số phiếu bầu sở hữu/Can not exceed the total of votes) |                                      |                               |

TP. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ho Chi Minh City, April 26<sup>th</sup> 2019

**Cổ đông/ Đại diện Cổ đông**

**Shareholder/ Shareholder's representative**

(Ký, ghi rõ họ tên/Signature, full name)

**Hướng dẫn ghi Phiếu bầu bổ sung một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập ("Phiếu bầu cử")/ The guideline for filling voting paper for subsequent election of the Independent member of the Board of Directors ("Election Paper"):**

- **Cổ đông/ Đại diện Cổ đông chỉ được chọn một (01) Ứng viên.** Trường hợp viết sai số phiếu bầu, vui lòng liên hệ Ban Bầu cử và kiểm phiếu để nhận Phiếu bầu cử mới và nộp lại Phiếu bầu cử cũ/ **Shareholder/ Shareholder's representative can choose only one nominee.** In the case of filling a wrong number of votes, please contact the Board of Election and Voting to receive the new Election Paper and submit to the old one.
- **Khi đồng ý bầu cho 01 Ứng viên nào, Cổ đông/ Đại diện Cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên Ứng viên đó. Số phiếu còn lại sẽ không được bầu bất kỳ ứng viên nào khác/** When decide to vote for any nominee, please write the number of votes in the column of "Number of votes" at the row of the respective nominee. The rest of the votes can not for any other nominees.
- **Nếu không bầu cho bất kỳ Ứng viên nào, Cổ đông/ Đại diện Cổ đông điền số không ("0") hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu tại tất cả các dòng/** in the case not voting for any nominees, please write on "0" or cross all the part of the column "Number of votes" in every row.

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.



## GIẤY ỦY QUYỀN/ PROXY LETTER

V/v: Tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (gọi tắt là ĐHĐCĐ)

Re.: The exercise of Shareholder rights at the 2019 Annual General Meeting of Shareholders  
of No Va Land Investment Group Corporation (Acronym AGM)

Tên Cổ đông/ Name of Shareholder: .....

Địa chỉ/ Trụ sở chính/ Address/ Head Office: .....

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/GCNĐKDN/ ID card/ Passport / Business License No.: .....

Ngày cấp/ Date of issue: .....

Nơi cấp/ Place of issue: .....

Họ tên Người đại diện pháp luật (nếu có)/ Full name of Legal representative (if any): .....

Số cổ phần sở hữu/ Number of owned shares: .....

**Theo Thư mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 (“ĐHĐCĐ”) được tổ chức vào ngày 26/4/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“Công ty”), Tôi/Chúng tôi xin xác nhận ủy quyền tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2019 của Công ty như sau:**

*According to the Company's Invitation Letter for the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (“AGM”) of No Va Land Investment Group Corporation (“the Company”) to be held on April 26<sup>th</sup> 2019, I/We would like to confirm my/our authorization at the AGM as follows:*

Vui lòng đánh dấu “✓” vào 01 ô được lựa chọn/ Please tick “✓” in a selected box:

☐ Ủy quyền cho Ông/Bà có tên sau đây/ Hereby authorize to Mr./ Ms.:

Họ và tên/ Full name: .....

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ID card/ Passport No.: .....

Ngày cấp/ Date of issue: .....

Nơi cấp/ Place of issue: .....

Địa chỉ/ Address: .....

**Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty/ Hereby authorize to the Board of Directors' Member of the Company:**

☐ Bà HOÀNG THU CHÂU/ Ms. HOANG THU CHAU

☐ Ông BUI XUÂN HUY/ Mr. BUI XUAN HUY

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại ĐHĐCĐ của Công ty được tổ chức ngày 26/4/2019.

*The Authorized person is permitted to attend the Company's AGM which will be held on April 26<sup>th</sup>, 2019 to attend and exercise the Shareholder's rights.*



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
-----000-----

**QUY CHẾ LÀM VIỆC, BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
*REGULATION ON ORGANIZATION, VOTING AND ELECTION  
AT THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS*

**CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  
*CHAPTER I: GENERAL PROVISIONS*

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

*Article 1: Scope of application*

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 (ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Công ty).

*This regulation is applied for organization, voting and election at the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (AGM) of No Va Land Investment Group Corporation (the Company).*

**Điều 2. Mục đích áp dụng**

*Article 2: Purpose of application*

Quy chế này quy định cụ thể trình tự thủ tục để các Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia ĐHĐCĐ tiến hành ĐHĐCĐ.

*This regulation details the procedures for Shareholders, authorized representatives and the meeting participants.*

**Điều 3. Đối tượng áp dụng**

*Article 3: Entities of application*

Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

*Shareholders, authorized representatives and the meeting participants shall be responsible for complying with the provisions for this regulation.*

**CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
*CHAPTER II: SHAREHOLDERS, THE MEETING PARTICIPANTS*

**Điều 4. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ**

*Article 4: Shareholders attending the AGM*

**4.1 Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ**

*Conditions of attending the AGM*

Là Cổ đông sở hữu cổ phần Công ty có tên trong Danh sách Cổ đông của Công ty tại ngày chốt Danh sách Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ hoặc là người được các Cổ đông này ủy quyền tham dự họp lệ.

*To be the Shareholder, whose name is in the List of Shareholders at the record date, are entitled to attend AGM or their authorized representatives as confirmed via the Proxy Letter.*

#### 4.2 Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

*Method for registration to attend the AGM*

- a. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền cần mang theo các giấy tờ sau:

*Shareholders or authorized representatives need to bring along with documents as follows:*

- Bản chính Thông báo mời họp;

*The original Invitation Letter;*

- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Thẻ căn cước công dân;

*The original ID card or Passport;*

- Bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty (trường hợp là Người được ủy quyền dự họp).

*The original Proxy Letter under the Company's form (in case the authorized representative attending the AGM).*

- b. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông và nhận tài liệu họp ĐHĐCĐ cùng với Phiếu biểu quyết.

*Shareholders or authorized representatives present the materials as mentioned above for The Shareholders' Eligibility Verification Committee and shall be received the materials of AGM, Voting Paper.*

- c. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền thay mặt tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ.

*Shareholders have the right to authorize in writing for authorized representatives to attend and exercise rights at the AGM. The authorized representatives shall not be allowed to authorize to third party attending the AGM.*

- d. Trường hợp hòm phiếu chưa được niêm phong, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi ĐHĐCĐ đã khai mạc vẫn có quyền đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ với Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông, nhận tài liệu họp ĐHĐCĐ cùng Phiếu biểu quyết, và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó (nếu có) không thay đổi. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký.

*In case the voting box has not yet been sealed, the Shareholders or authorized representatives still have the right to register with The Shareholder's Eligibility Verification Committee for receiving the materials of AGM, Voting Paper and has the right to vote after registration; in this case, the effect of the issues voted on previously (if any) shall remain unchanged. The Meeting Chairperson is not responsible for stopping the meeting for in such case.*

- e. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp phải ứng xử văn minh, lịch sự, tôn trọng kết quả làm việc tại ĐHĐCĐ. Việc ghi âm, ghi hình của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tại ĐHĐCĐ phải được thông báo công khai và phải được chấp thuận bởi Chủ tọa ĐHĐCĐ.

*Shareholders or authorized representatives must be polite, respect the results the meeting's result at the AGM. All voice recordings or images taken by Shareholders or authorized representatives during the meeting must be publicly disclosed and be approved by the Meeting Chairperson.*

- f. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp phải tuân thủ các quy định khác trong Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp khi tham dự ĐHĐCĐ.

*Shareholders or authorized representatives have to comply with other provisions of this regulation, the Charter and Law on Enterprise while attending the meeting.*

#### Điều 5. Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa ĐHĐCĐ

**Article 5: The Meeting Presidium, the Meeting Chairperson**

- 5.1 Đoàn Chủ tịch bao gồm các Thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (BTGD), Ban Giám đốc do Chủ tọa chỉ định. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa ĐHĐCĐ và là người chủ trì ĐHĐCĐ.

*The Meeting Presidium includes members of the Board of Director (BOD), the Board of Management (BOM) as assigned by the Meeting Chairperson. The Chairman of BOD is to be the Meeting Chairperson, who shall preside at the meeting.*

- 5.2 Đoàn Chủ tịch sẽ thực hiện các công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.

*The Meeting Presidium shall conduct work for supporting and chairing AGM of the Meeting Chairperson.*

- 5.3 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

*Rights and obligations of the Meeting Chairperson:*

- Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua;

*To execute the operations of AGM according to the ratified agenda by GMS;*

- Có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ, bao gồm nhưng không giới hạn:

*To decide the procedures and matters arising outside the agenda of the General Meeting of Shareholders, including but not limited to:*

- Trả lời những vấn đề do ĐHĐCĐ yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời hoặc ghi nhận các ý kiến đóng góp của Cổ đông nếu có các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ;

*Response issues as requested by AGM or assign the respondent or note down comments and suggestions from Shareholders if the content of such comments and suggestions are beyond the scope of what was asked;*

- Có quyền tạm dừng hoặc hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ nếu có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc có quyền trục xuất những người có biểu hiện cản trở, gây rối, không tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch ra khỏi cuộc họp để cuộc họp ĐHĐCĐ tiến hành theo đúng quy định pháp luật;

*Suspend or delay the AGM in the case of the meeting participant disrupts the order and threatens to obstruct the fair and legal progress of the meeting; or to be able to expel those who act to obstruct, disrupt the meeting, against the direction of the Meeting Chairperson and the Meeting Presidium for proceeding the AGM under law.*

- Thực hiện các công việc khác phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật để điều hành ĐHĐCĐ.

*To conduct other work that be in accordance with the Charter and law for proceeding the AGM.*

## **Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông**

### **Article 6: The Shareholder's Eligibility Verification Committee**

- 6.1 Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông gồm 03 Thành Viên do Chủ tọa chỉ định.

*The Shareholder's Eligibility Verification Committee has 03 members assigned by the Meeting Chairperson*

- 6.2 Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có quyền và trách nhiệm:

*The Shareholder's Eligibility Verification Committee has the rights and obligations*

- Kiểm tra tư cách của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp; yêu cầu Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp xuất trình Thông báo mời họp, Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Thẻ căn cước công dân, Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp là Người được ủy quyền dự họp) để đối chiếu Danh sách Cổ đông và xác định tư cách tham dự họp hợp lệ của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp;

*To check the eligibility of Shareholders or authorized representatives; to request Shareholders or authorized representatives to present their Invitation Letter, ID card or Passport, valid Proxy Letter (in case the authorized representative attending the AGM) for checking with the List of Shareholders and determining the eligibility of Shareholders or authorized representatives;*

- Phát tài liệu họp ĐHĐCĐ, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử cho Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp;

*To ensure Shareholders or authorized representatives have the materials of AGM, the Voting Paper and the Election Paper;*

- Báo cáo trước ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trước khi ĐHĐCĐ chính thức được tiến hành.

*To report to AGM and be responsible for the result of verifying the eligibility of Shareholders attending AGM before that AGM has been officially proceeded.*

## **Điều 7. Ban Thư ký**

### **Article 7: The Secretariat**

- 7.1 Ban Thư ký gồm ba (03) Thành viên do Đoàn Chủ tịch chỉ định.

*The Secretariat includes three (3) members as assigned by the Meeting Presidium*

- 7.2 Ban Thư ký thực hiện các công việc hỗ trợ Chủ tọa tại ĐHĐCĐ, bao gồm:

*The Secretariat assists the Meeting Chairperson in the AGM, including:*

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung ĐHĐCĐ;

*To record fully, honestly contents of AGM.*

- Công bố dự thảo Biên bản cuộc họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các Cổ đông khi được yêu cầu;

*To publish the draft Meeting Minutes and Resolution of AGM and the Announcement of the Meeting Presidium sending to Shareholders as requested.*

- Tiếp nhận câu hỏi bằng văn bản của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp;

*To receive written questions from the Shareholders or authorized representatives.*

- Các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

*Other tasks as assigned by the Meeting Chairperson.*

## **Điều 8. Ban Bầu cử và kiểm phiếu**

### **Article 8: The Board of Election and Voting**

- 8.1 Ban Bầu cử và kiểm phiếu gồm ba (03) Thành viên do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ. Thành viên Ban Bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;

*The Board of Election and Voting includes three (3) members nominated by the Meeting Chairperson and approved by AGM. The member of the Board of Election and Voting shall not be included in the List of nominees for BOD;*

- 8.2 Ban Bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

*The Board of Election and Voting has the following obligations:*

- Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến nguyên tắc bầu cử, cách sử dụng Phiếu biểu quyết, trình tự biểu quyết;

*To prepare the voting box, to guide the voting principle, how to use Voting Paper, to present voting procedures;*

- Giám sát việc biểu quyết của các Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ;

*To supervise the voting of Shareholders or authorized representatives;*

- Kiểm phiếu, tính toán, ghi nhận số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung;  
*To check, to count and to record the votes for each content;*
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ theo chỉ định của Chủ tọa.  
*To report the voting result to AGM as assigned by the Meeting Chairperson*

### **CHƯƠNG III: CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT**

#### **CHAPTER III: THE PROVISIONS ON ELECTION OF THE INDEPENDENT MEMBERS OF BOD**

#### **Điều 9. Số lượng Thành viên độc lập HĐQT được bầu**

##### **Article 9: The number of the independent members of BOD for election at the AGM**

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 sẽ bầu bổ sung một (01) Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2021.

*The AGM shall elect an Independent member of BOD for the term 2016 - 2021.*

#### **Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên độc lập HĐQT**

##### **Article 10: Criteria and conditions of the Independent member of BOD**

- 10.1 Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

*Not be a current employee of the company or its subsidiaries; not be a person that used to work for the company or the company's subsidiaries over the previous 03 consecutive years.*

- 10.2 Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

*Not be a person receiving salaries, wages from the company, except for the benefits to which Members of the Board of Directors are entitled;*

- 10.3 Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

*Not have a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, or sibling being a major shareholder of the company, being a manager of the company or the company's subsidiary;*

- 10.4 Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

*Not directly or indirectly hold at least 1% of the company's voting shares;*

- 10.5 Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

*Not ever hold the position of Member of the Board of Directors, the Control Board over at least the previous 05 consecutive years.*

#### **Điều 11. Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên độc lập HĐQT**

##### **Article 11: Conditions for nomination and candidacy of the independent member of BOD**

- 11.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử ứng viên.

*The Shareholders holding voting shares may add up the number of voting rights of each person to nominate candidates to the BOD.*

- 11.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử, ứng cử ứng viên theo quy định sau:



*A shareholder or group of Shareholders holding voting shares in a continuous period of at least six (6) months have right to nominate candidates to the BOD as follows:*

- Nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên;

*Holding voting shares from ten percent (10%) to less than fifteen percent (15%) of the total voting shares may nominate one (1) candidate.*

- Nắm giữ từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

*Holding voting shares from fifteen percent (15%) to less than thirty percent (30%) of the total voting shares may nominate a maximum of two (2) candidates.*

- Nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

*Holding voting shares from thirty percent (30%) to less than fifty percent (50%) of the total voting shares may nominate a maximum of three (3) candidates.*

- Nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa (04) ứng viên;

*Holding voting shares from fifty percent (50%) to less than sixty-five percent (65%) of the total voting shares may nominate a maximum of four (4) candidates.*

- Nắm giữ từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa số ứng viên được yêu cầu đề cử bổ sung.

*Holding voting shares from sixty-five percent (65%) or more of the total voting shares may nominate maximum of candidates.*

## **Điều 12. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử Thành viên độc lập HĐQT và Danh sách bầu cử**

**Article 12: Documents of nomination, candidacy for the independent member of BOD and the List of nominees.**

### **12.1 Thành phần hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu Thành viên độc lập HĐQT:**

*Documents of application for election the Independent member of BOD*

- Thông báo ứng cử/đề cử ứng viên tham gia làm Thành viên độc lập HĐQT (theo mẫu tài liệu họp ĐHCĐ);

*Notice on nomination/ candidacy for election the Independent member of BOD (under the company's form attached to the materials of AGM)*

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu tài liệu họp ĐHCĐ);

*Curriculum vitae of nominees (under the company's form attached to the materials of AGM).*

- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn (nếu có);

*A notarized copy of educational/ training certificates (if any).*

- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng viên được nhóm cổ đông ủy quyền ứng cử).

*The proxy letter and/ or the Minutes of a group of Shareholders (on behalf of a group of Shareholders for nomination)*

### **12.1 Chỉ những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện làm Thành viên độc lập HĐQT và có hồ sơ đề cử/ứng cử Thành viên độc lập HĐQT đáp ứng quy định tại Quy chế này mới được đưa vào danh sách các ứng viên công bố tại ĐHCĐ để bầu Thành viên độc lập HĐQT.**

*Only candidates, who qualify the criteria of the Independent member of BOD and have the profile of nominee application under this Regulation, will be disclosed in the List of nominees at the AGM.*

### **12.2 Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên độc lập HĐQT hợp lệ khi có đủ thành phần hồ sơ quy định tại Điều 12.1 và được gửi về Công ty theo đúng thời hạn và địa chỉ nêu tại Thông báo đề cử và ứng cử thành viên độc lập HĐQT đã gửi cho cổ đông.**

*The valid profile of nominee as the Independent member of BOD have to not only be sufficient documents as stipulated in Article 12.1 but also submit application before the deadline via address as stipulated on Notice of nominating, standing for Independent member of BOD.*

- 12.3 Thông tin liên quan đến ứng viên tham gia làm Thành viên độc lập HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

*The information of nominees who will be elected as the Independent member of BOD (in case the company have determined the candidates) shall be announced at least seven (7) days prior the date of AGM on The Company's website for reference.*

## **CHƯƠNG IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **CHAPTER IV: CONDUCT OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

#### **Điều 13. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ**

##### **Article 13: Conditions for holding the AGM**

- 13.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách Cổ đông được lập tại thời điểm chốt Danh sách Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.

*The AGM shall be conducted when number of Shareholders and authorized representatives represents at least 51% of voting shares in the List of Shareholders on the record date.*

- 13.2 Trường hợp quá ba mươi (30) phút kể từ thời điểm khai mạc ĐHĐCĐ được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các Cổ đông mà số Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ chưa đại diện đủ tỷ lệ theo Điều 13.1 của Quy chế này thì cuộc họp được xem như chưa đủ điều kiện tiến hành.

*In case there is insufficient number of delegates prescribed in Article 13.1 of this Regulation within thirty (30) minutes from the time set for opening the AGM, the meeting shall be canceled.*

#### **Điều 14. Tiến hành ĐHĐCĐ**

##### **Article 14: Conduct for the AGM**

- 14.1 Chủ tọa điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra theo đúng trình tự, nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

*The Meeting Chairperson proceeds the meeting under the ratified procedure, agenda of the AGM*

- 14.2 ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các nội dung chương trình ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết tại Quy chế này. Chủ tọa sẽ bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình ĐHĐCĐ.

*The contents on the agenda are discussed and approved by voting form prescribed in this regulation. The Meeting Chairperson shall arrange suitable time to discuss and vote for each issue the agenda.*

- 14.3 ĐHĐCĐ sẽ bế mạc sau khi Biên bản họp ĐHĐCĐ được thông qua.

*AGM shall be terminated after the Meeting Minutes and Resolution have been approved.*

#### **Điều 15. Phiếu biểu quyết**

##### **Article 15: The Voting Paper**

- 15.1 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một (01) hoặc nhiều Phiếu biểu quyết tùy theo nội dung biểu quyết cần thông qua tại ĐHĐCĐ.

*When the Shareholders or authorized representatives register to attend the AGM, they will be provided one (01) or more Voting Papers for the ratified contents at the AGM.*

- 15.2 Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà Cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền (nếu có) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông/Người được ủy quyền dự họp có mặt tại ĐHĐCĐ.

*The voting value of the Voting Paper equivalent to the number of voting shares of own and of the proxy (if any) of the total number of voting shares of Shareholders or authorized representatives attending the AGM.*

- 15.3 Phiếu biểu quyết có thể được mã hóa các thông tin như nêu tại Điều 15.1 của Quy chế này để phục vụ việc kiểm phiếu bằng phần mềm vi tính.

*The Voting Paper is able to be encoded information as mentioned at Article 15.1 of this Regulation for voting counting via the computer software.*

- 15.4 Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ được xem là **không có ý kiến** đối với toàn bộ nội dung biểu quyết tại Đại hội. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp như sau:

*Invalid Voting Paper shall be considered **no comment** to all of the the Voting contents. The following Voting Paper shall be considered invalid as follows:*

- Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; hoặc

*The Voting Paper is not issued by the company; or*

- Ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác khi không được Chủ tọa yêu cầu; hoặc

*The Voting Paper contains additional contents, information and symbols as not requested by the Meeting Chairperson; or*

- Bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn (trường hợp này cổ đông có thể yêu cầu đổi lại phiếu mới và trả lại phiếu cũ cho Ban Bầu cử và kiểm phiếu, mỗi cổ đông được yêu cầu đổi Phiếu biểu quyết 01 lần).

*Torn, erased, scratched or corrected the Voting Paper (In this case, the shareholders may request to have a new Voting Paper and return the invalid one to The Board of Election and Voting, each of the shareholders be asked to change the Voting Paper one time).*

- 15.5 Trường hợp có bất kỳ nội dung nào trong Phiếu biểu quyết được ghi nhiều ý kiến khác nhau hoặc không chọn bất kỳ kết quả biểu quyết nào hoặc chọn từ hai - ba (02 - 03) kết quả biểu quyết trong cùng một vấn đề hoặc thay đổi kết quả biểu quyết từ hai (02) lần trở lên thì những nội dung biểu quyết đó sẽ được xem Không có ý kiến; những nội dung còn lại được biểu quyết hợp lệ vẫn có giá trị pháp lý.

*Each issue in the Voting Paper shall be considered no comment if there is some comments or no any vote or two (02) votes or three (03) votes in the same issue or change votes more than twice (02). The remaining issues are still valid.*

- 15.6 Những Phiếu biểu quyết không gửi cho Ban Bầu cử và kiểm phiếu trong quá trình thu phiếu tại Đại hội được xem là Không có ý kiến đối với toàn bộ các vấn đề biểu quyết.

*The Voting paper which is not sent to The Board of Election and Voting during the process of Voting collection at the AGM shall be considered no comment on all voting issues.*

## **Điều 16. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử**

### **Article 16: The Election Paper and how to write the Election Paper**

#### **16.1 Phiếu bầu cử:**

##### *Election Paper:*

- Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một (01) Phiếu bầu cử để bầu cử thành viên độc lập HĐQT.

*When the Shareholders or authorized representatives register to attend the AGM, they will be provided one (01) Election Paper for voting the independent member of BOD.*

- Cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Bầu cử và kiểm phiếu đổi Phiếu bầu cử khác. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì có quyền gặp Ban Bầu cử và kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

*The Shareholders would like to check the information on the Election Paper and immediately inform about the incorrect information to the The Board of Election and Voting in order to change another Election Paper. In the case of writing wrong in the Voting Paper, if the Shareholder has still not sent it to the voting box, the Shareholder is changed another Election Paper by the Head of the The Board of Election and Voting to ensure the Shareholder's rights.*

## 16.2 Cách ghi Phiếu bầu cử:

*How to write the Election Paper:*

- Số lượng thành viên độc lập HĐQT được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên 2019 là **01 thành viên** do đó cổ đông **chỉ được chọn 01 ứng viên** trong danh sách đề cử, ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.

*The number of independent members of BOD for election at the AGM is **one member** so the Shareholder only selects **one nominee** from the List of nominees approved by the AGM.*

- Khi đồng ý bầu cho 01 ứng viên nào, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó trong Phiếu bầu cử; số phiếu bầu còn lại sẽ không bầu cho bất cứ ứng viên nào khác.

*In the case of voting for a nominee, Shareholder shall write the number of votes in “Number of votes” column corresponding with the name of the nominee whom they elect; In case the Shareholder does not use the entire votes for the nominees, the remaining votes could do not vote for any nominee.*

- Nếu không bầu cho bất kỳ ứng viên nào, cổ đông điền số không (“0”) hoặc gạch chéo (“x”) vào cột “Số phiếu bầu” tại tất cả các dòng trong Phiếu bầu cử.

*In case there is no voting for any nominee, Shareholder shall write the number zero “0” or tick “X” mark in “Number of votes” column corresponding with the name of the candidate whom they do not elect.*

- Tổng số phiếu bầu cho 01 ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

*The total number of votes that one Shareholder could vote the nominees is not higher than the total number of votes that one Shareholder hold.*

## 16.3 Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

*The valid Election Paper must be satisfied the following conditions:*

- Phiếu bầu cử cho ứng viên có tên trong danh sách các ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua;

*The Election Paper for the nominee in the ratified List of nominees.*

- Tổng số lượng phiếu bầu hoặc nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với 01 thành viên được bầu);

*The total number of votes is less than or equal to the total number of votes cast by the Shareholder (equal to the number of shares multiplied by one elected member).*

- Có chữ ký xác nhận của Cổ đông tại Phiếu bầu cử;

*Having certified signature of the Shareholder in the Election Paper*

- Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 16.4 Điều này.

*To be not within the cases prescribed in Article 16.4 of this Regulation.*

## 16.4 Phiếu bầu cử không hợp lệ được xem là không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp sau:

*Invalid Election Paper shall be considered no vote for any nominees. The following Election Paper shall be considered invalid:*

- Phiếu không do Công Ty phát hành; hoặc

*The Election Paper is not issued by The Company; or*

- Phiếu gạch, xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp này cổ đông

có thể yêu cầu đổi lại phiếu mới và trả lại phiếu cũ cho Ban Bầu cử và kiểm phiếu, mỗi cổ đông được yêu cầu đổi Phiếu bầu cử 01 lần); hoặc

*The Election Paper with torn, erased, scratched or corrected marks (In this case, the shareholders may request to have the new Election Paper and return the invalid Election Paper to Committee votes, each of the shareholders be asked to change the Election Paper one time); or*

- Phiếu chọn/bầu từ 02 ứng viên trở lên; hoặc

*The Shareholder votes two or more nominees in the Election Paper; or*

- Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; hoặc

*The Election Paper is filled more nominees who are not in the list of nominees approved by AGM before voting.*

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho 01 ứng viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền); hoặc

*The Election Paper having the total voting rights for each nominee is higher than the total voting rights of each Shareholder.*

- Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông; hoặc

*The Election Paper has no the Shareholder's signature and full name*

- Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng viên nào.

*The Shareholder does not vote Election Paper for any nominees*

## **Điều 17: Cách thức biểu quyết, bầu cử**

### **Article 17: Voting and election procedures**

- 17.1 Khi biểu quyết thông qua nội dung các vấn đề liên quan tại ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bằng cách chọn phương án biểu quyết trong Phiếu biểu quyết (Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến).

*The Shareholders or authorized representatives shall vote directly on issues in the Voting Paper that choose the voting options on the Voting Paper (Agree, Disagree or no comments).*

- 17.2 Việc bầu cử thành viên độc lập HĐQT của Công ty sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông/đại diện của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với 01 thành viên được bầu của HĐQT.

*The vote for the independent member of BOD shall be made by cumulative voting method. Each Shareholder/ authorized representative has the total number of votes equivalent to the total number of shares multiplied by one (01) elected member of BOD.*

- 17.3 Đối với các vấn đề khác phát sinh thêm tại ĐHĐCĐ sẽ được biểu quyết thông qua bằng cách sử dụng Thẻ biểu quyết, việc biểu quyết được thực hiện theo hướng dẫn của Chủ tọa.

*The other issues arising at the AGM shall be voted via the Voting Card and the Meeting Chairperson shall direct such vote.*

- 17.4 Sau khi Cổ đông tiến hành bầu cử và biểu quyết xong tất cả các vấn đề cần thông qua tại ĐHĐCĐ, Ban Bầu cử và kiểm phiếu tiến hành thu lại tất cả Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử tiến hành kiểm phiếu. Ban Bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết và bầu cử tại ĐHĐCĐ theo chỉ định của Chủ tọa.

*After Shareholders vote all the ratified issues at AGM, the The Board of Election and Voting will collect all Voting Papers and Election Papers to conduct counting voting. The Board of Election and Voting shall announce the result of voting and election at the AGM as assigned by the Meeting Chairperson.*

## **Điều 18: Kiểm phiếu**

### **Article 18: Counting voting**

- 18.1 Ban Bầu cử và kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau đây:

*The Board of Election and Voting conducts the counting voting as following provisions:*

- Làm việc tại khu vực do Chủ tọa bố trí;  
*Work at areas as arranged by the Meeting Chairperson;*
- Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử hỗ trợ việc kiểm phiếu;  
*Be able to use electronic technical facilities to support the counting voting;*
- Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu Bầu cử;  
*Check the validity of the voting and Election Paper;*
- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết, Phiếu Bầu cử và ghi nhận kết quả kiểm phiếu;  
*Count the voting and Election Paper one by one and note the voting result;*
- Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông không có quyền biểu quyết (nếu có);  
*Calculate and eliminate shares not to be voting rights (if any).*
- Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử bàn giao lại cho Đoàn chủ tịch.  
*Seal all voting and Election Papers, resigned for the Meeting Presidium.*

18.2 Ban Bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu để thống kê kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo ĐHĐCĐ theo chỉ định của Chủ tọa.

*The Board of Election and Voting is responsible for making the Minutes of the counting voting to synthesize the result of voting for each voting issue to report to AGM as assigned by the Meeting Chairperson.*

## **Điều 19: Thông báo kết quả Kiểm phiếu**

### **Article 19: Disclosure the result of voting**

Kết quả biểu quyết sẽ được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa chỉ định công bố tại ĐHĐCĐ.

*The result of voting for each issue, which will be The Meeting Chairperson or whom is assigned by the Meeting Chairperson, shall announce at the AGM.*

## **Điều 20: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

### **Article 20: The ratified Decision of AGM**

20.1 Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2 và Điều 20.3 Quy chế này.

*The Resolution of AGM is ratified when the number of shareholders representing at least 51% of the total votes of all Shareholders attending the meeting approves, except for the cases defined in Article 20.2 and Article 20.3 of this regulation.*

20.2 Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

*The Resolution on the following contents shall be passed by if the number of Shareholders representing at least sixtyfive percent (65%) of the total number of votes of all Shareholders attending the meeting approves: Type of shares and the total number of shares for each type; Changing business lines and business fields; Changing the management structure of The Company; The investment project or selling assets equal to or higher than thirty-five percent (35%) of total assets value as stated in the latest Financial Statement of The Company.*

20.3 Việc thông qua quyết định bầu Thành viên độc lập HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu được xác định như sau:

*The vote for the independent member of BOD shall be made by cumulative voting method determined as follows:*



- Người trúng cử thành viên độc lập HĐQT được xác định theo số phiếu bầu cao nhất.

*Persons who are elected as the independent member of BOD shall be determined on the highest basis of the number of votes from the candidate.*

- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như thì ĐHĐCĐ tiến hành bầu lại 02 (hai) ứng viên đó để chọn ra người có phiếu bầu cao nhất.

*If there are two (2) or more candidates having the same number of votes, the AGM shall continue to elect among the candidates having the same number of votes*

## **Điều 21: Ghi và lập Biên bản họp ĐHĐCĐ**

### **Article 21. Record and making Minutes of AGM**

- 21.1 Ban Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

*The Secretariat shall be responsible for recording and making the process of AGM, draft of the Resolution and Minutes of AGM.*

- 21.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

*Minutes of AGM have to be ratified before closing. Minutes of AGM have to be released on The Company's website within twenty- four (24) hours from the date of the meeting of AGM closed.*

- 21.3 Chủ tọa và Ban Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

*The Meeting Chairperson and the Secretariat of AGM are jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the Minutes.*

## **CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **CHAPTER V. IMPLEMENTING PROVISION**

## **Điều 22: Hiệu lực thi hành**

### **Article 22. Effectiveness**

- 22.1 Quy chế này được đọc trước ĐHĐCĐ và lấy ý kiến biểu quyết của các Cổ đông. Nếu Quy chế này được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trở lên thì Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các Cổ đông.

*This regulation is read at the AGM and get vote of Shareholders. If this regulation is ratified by AGM of which the rate is equal to or higher than 51% of the total of votes of the Shareholders, this regulation will take effect for implementation of all Shareholders.*

- 22.2 Các Cổ đông, các Thành viên tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va chịu trách nhiệm thi hành.

*Shareholders, members holding the AGM of No Va Land Investment Group Corporation shall have to implement this Regulation.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT  
ON BEHAFL OF GENERAL MEETING  
OF SHAREHOLDER  
CHAIRMAN OF THE BOARD**

**BÙI THÀNH NHƠN**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT/ VOTING PAPER**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

Họ tên Cổ đông/ Shareholder's full name: .....

CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKDN/ ID Card/ Passport/ Business license: .....

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết/ Total of voting shares: ..... cổ phần/ shares

Người được ủy quyền/ Authorized representative: .....

**Vấn đề 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") năm 2018**

*Approval for Report of the Board of Directors ("BOD") in 2018*

☐ Tán thành/ Agree

☐ Không tán thành/ Disagree

☐ Không có ý kiến/ No comment



**Vấn đề 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018**

*Issue 2: Approval for Report on Company's business results in 2018*

☐ Tán thành/ Agree

☐ Không tán thành/ Disagree

☐ Không có ý kiến/ No comment



**Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 riêng và hợp nhất đã kiểm toán**

*Issue 3: Approval for The Audited Annual Financial Statements of the Company in 2018*

☐ Tán thành/ Agree

☐ Không tán thành/ Disagree

☐ Không có ý kiến/ No comment



**Vấn đề 4: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018**

*Issue 4: Approval for Profit distribution in 2018*

☐ Tán thành/ Agree

☐ Không tán thành/ Disagree

☐ Không có ý kiến/ No comment



**Vấn đề 5: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2019**

*Issue 5: Approval for Business plan in 2019*

☐ Tán thành/ Agree

☐ Không tán thành/ Disagree

☐ Không có ý kiến/ No comment



**Vấn đề 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019**

*Issue 6: Approval for Selection of auditor for Annual Financial Statements in 2019*

☐ Tán thành/ Agree

☐ Không tán thành/ Disagree

☐ Không có ý kiến/ No comment





**Vấn đề 7: Thông qua thù lao HĐQT năm 2018; Đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2019**

**Issue 7: Approval for The remuneration of BOD in 2018, proposed remuneration of BOD in 2019**

☐ **Tán thành/ Agree**



☐ **Không tán thành/ Disagree**



☐ **Không có ý kiến/ No comment**



**Vấn đề 8: Thông qua việc từ nhiệm thành viên độc lập HĐQT**

**Issue 8: Approval for The resignation of Independent member of BOD**

☐ **Tán thành/ Agree**



☐ **Không tán thành/ Disagree**



☐ **Không có ý kiến/ No comment**



**Vấn đề 9: Thông qua việc bầu thành viên độc lập HĐQT**

**Issue 9: Approval for Election of Independent member of BOD**

☐ **Tán thành/ Agree**



☐ **Không tán thành/ Disagree**



☐ **Không có ý kiến/ No comment**



**Vấn đề 10: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh**

**Issue 10: Approval for Amendment and supplement to the Company's business lines**

☐ **Tán thành/ Agree**



☐ **Không tán thành/ Disagree**



☐ **Không có ý kiến/ No comment**



**Vấn đề 11: Thông qua việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2019**

**Issue 11: Approval for Shares issuance under Y2019 Employee Stock Ownership Plan**

☐ **Tán thành/ Agree**



☐ **Không tán thành/ Disagree**



☐ **Không có ý kiến/ No comment**



**Vấn đề 12: Thông qua điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi**

**Issue 12: Approval for Amendment of issuing time of Ordinary Shares for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares**

☐ **Tán thành/ Agree**



☐ **Không tán thành/ Disagree**



☐ **Không có ý kiến/ No comment**



**TP. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2019/ Ho Chi Minh City, April 26<sup>th</sup> 2019**

**CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN/ SHAREHOLDER/ REPRESENTATIVE**

**(Ký, ghi rõ họ tên)/ (Signature, full name)**

# THẺ BIỂU QUYẾT VOTING CARD

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019  
IN THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

MÃ ĐĂNG KÝ/  
BARCODE

Họ tên Cổ đông/ Đại diện Cổ đông/ Full name of Shareholder/ Authorized representative:

.....

Số cổ phần sở hữu/ The owned shares:

..... Cổ phần/ Shares

Số cổ phần được ủy quyền/ The authorized shares:

..... Cổ phần/ Shares

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết/ Total of Voting shares:

..... Cổ đông/ Shares

**TP. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2019**

*Ho Chi Minh City, April 26<sup>th</sup> 2019*

**Cổ đông/ Đại diện Cổ đông**

*Shareholder/ Authorized representative*

**(Ký, ghi rõ họ tên)**

*(Signature, full name)*

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---  
Số/No. 01/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---  
TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018  
Re: Approval for 2018 business result

### Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty");  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company");
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).  
Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited.

Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va trong năm 2018, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công Ty, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

Pursuant to the actual business result of No Va Land Investment Group Corporation, The Board of Directors would like to submit General Meeting of Shareholders ("GMS") to approve the business result in 2018 of The Company with the key indicators as follow:

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND millions

| STT/ No. | Chỉ tiêu / Key indicators                    | Giá trị / Value |
|----------|----------------------------------------------|-----------------|
| 1        | Tổng tài sản / Total Assets                  | 69.912.213      |
| 2        | Vốn chủ sở hữu / Owner's Equity              | 20.460.126      |
| 3        | Doanh thu thuần / Net Revenue                | 15.290.394      |
| 4        | Lợi nhuận trước thuế / Net Profit Before Tax | 4.675.375       |
| 5        | Lợi nhuận sau thuế / Net Profit After Tax    | 3.267.070       |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.  
Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN OF THE BOARD  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ  
ĐỊA ỐC  
NO VA  
THÀNH PHỐ HO CHI MINH  
BÙI THANH NHON

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Vh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/No.:...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
*Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited;*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ....../...../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ..... 2019.*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công Ty, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of the business result in 2018 of The Company with the key indicators as follows:

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND millions

| STT/ No. | Chỉ tiêu / Key indicators                               | Giá trị / Value |
|----------|---------------------------------------------------------|-----------------|
| 1        | Tổng tài sản / Total Assets                             | 69.912.213      |
| 2        | Vốn chủ sở hữu / Owner's Equity                         | 20.460.126      |
| 3        | Doanh thu thuần / Net Revenue                           | 15.290.394      |
| 4        | Lợi nhuận trước thuế / Net Accounting Profit Before Tax | 4.675.375       |
| 5        | Lợi nhuận sau thuế / Net Profit After Tax               | 3.267.070       |

**ĐIỀU 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 2:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No.: 02---o0o---  
...../2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

---o0o---  
TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán  
Re: Approval for Audited Annual Financial Statements in 2018

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam), bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

The Board of Directors (BOD) would like to submit General Meeting of Shareholders ("GMS") to approve the Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited, with key figures as follow:

### I. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán: Audited Consolidated Annual Financial Statements 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND million

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET |                                       |                                                |                                                |
|--------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| STT /<br>NO.                         | Chỉ tiêu /<br>Key Figures             | 31/12/2018<br>December 31 <sup>st</sup> , 2018 | 31/12/2017<br>December 31 <sup>st</sup> , 2017 |
| I                                    | Tài sản / Total Assets                | 69.912.213                                     | 49.466.961                                     |
| 1                                    | Tài sản ngắn hạn /<br>Current Assets  | 50.860.944                                     | 41.165.965                                     |
| 2                                    | Tài sản dài hạn /<br>Long-term Assets | 19.051.269                                     | 8.300.996                                      |
| II                                   | Nguồn vốn / Resources                 | 69.912.213                                     | 49.466.961                                     |

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Vu

|                                                        |                                                                   |            |            |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|------------|
| 1                                                      | Nợ phải trả /<br><i>Liabilities</i>                               | 49.452.087 | 36.210.571 |
| 2                                                      | Vốn chủ sở hữu /<br><i>Owners' Equity</i>                         | 20.460.126 | 13.256.390 |
| <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT</b> |                                                                   |            |            |
| 1                                                      | Doanh thu thuần /<br><i>Net Revenue</i>                           | 15.290.393 | 11.632.336 |
| 2                                                      | Lợi nhuận trước thuế /<br><i>Net Accounting Profit Before Tax</i> | 4.675.375  | 2.588.499  |
| 3                                                      | Lợi nhuận sau thuế /<br><i>Net Profit After Tax</i>               | 3.267.070  | 2.061.643  |

**II. Báo cáo tài chính riêng năm 2018 đã kiểm toán:**  
*Audited Separate Annual Financial Statements 2018*

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND million

| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET</b>            |                                                                   |                                                     |                                                     |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| STT /<br>NO.                                           | Chỉ tiêu /<br><i>Key Figures</i>                                  | 31/12/2018<br><i>December 31<sup>st</sup>, 2018</i> | 31/12/2017<br><i>December 31<sup>st</sup>, 2017</i> |
| I                                                      | <b>Tài sản / Total Assets</b>                                     | <b>39.620.320</b>                                   | <b>26.995.100</b>                                   |
| 1                                                      | Tài sản ngắn hạn /<br><i>Current Assets</i>                       | 9.842.808                                           | 7.336.717                                           |
| 2                                                      | Tài sản dài hạn /<br><i>Long-term Assets</i>                      | 29.777.512                                          | 19.658.383                                          |
| II                                                     | <b>Nguồn vốn / Resources</b>                                      | <b>39.620.320</b>                                   | <b>26.995.100</b>                                   |
| 1                                                      | Nợ phải trả /<br><i>Liabilities</i>                               | 23.324.964                                          | 15.815.002                                          |
| 2                                                      | Vốn chủ sở hữu /<br><i>Owners' Equity</i>                         | 16.295.356                                          | 11.180.098                                          |
| <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT</b> |                                                                   |                                                     |                                                     |
| 1                                                      | Doanh thu thuần /<br><i>Net Revenue</i>                           | 3.803.674                                           | 2.993.419                                           |
| 2                                                      | Lợi nhuận trước thuế /<br><i>Net Accounting Profit Before Tax</i> | 1.809.394                                           | 421.890                                             |
| 3                                                      | Lợi nhuận sau thuế /<br><i>Net Profit After Tax</i>               | 1.469.560                                           | 421.890                                             |

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Va

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN OF THE BOARD



BUI THÀNH NHƠN



Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

Vu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION  
---o0o---

Số/No.:...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
*Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited;*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ....../...../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ...../....., 2019.*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam), bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of the Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited, with key figures as follows:

**I. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán:**  
**Audited Consolidated Annual Financial Statements 2018**

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND million

| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET</b> |                                       |                                                      |                                                      |
|---------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>STT / NO.</b>                            | <b>Chỉ tiêu / Key Figures</b>         | <b>31/12/2018<br/>December 31<sup>st</sup>, 2018</b> | <b>31/12/2017<br/>December 31<sup>st</sup>, 2017</b> |
| <b>I</b>                                    | <b>Tài sản / Total Assets</b>         | <b>69.912.213</b>                                    | <b>49.466.961</b>                                    |
| 1                                           | Tài sản ngắn hạn /<br>Current Assets  | 50.860.944                                           | 41.165.965                                           |
| 2                                           | Tài sản dài hạn /<br>Long-term Assets | 19.051.269                                           | 8.300.996                                            |

|                                                        |                                                                   |                   |                   |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>II</b>                                              | <b>Nguồn vốn / Resources</b>                                      | <b>69.912.213</b> | <b>49.466.961</b> |
| 1                                                      | Nợ phải trả /<br><i>Liabilities</i>                               | 49.452.087        | 36.210.571        |
| 2                                                      | Vốn chủ sở hữu /<br><i>Owners' Equity</i>                         | 20.460.126        | 13.256.390        |
| <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT</b> |                                                                   |                   |                   |
| 1                                                      | Doanh thu thuần /<br><i>Net Revenue</i>                           | 15.290.393        | 11.632.336        |
| 2                                                      | Lợi nhuận trước thuế /<br><i>Net Accounting Profit Before Tax</i> | 4.675.375         | 2.588.499         |
| 3                                                      | Lợi nhuận sau thuế /<br><i>Net Profit After Tax</i>               | 3.267.070         | 2.061.643         |

**II. Báo cáo tài chính riêng năm 2018 đã kiểm toán:**  
*Audited Separate Annual Financial Statements 2018*

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND million

| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET</b>            |                                                                   |                                                      |                                                      |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>STT / NO.</b>                                       | <b>Chỉ tiêu / Key Figures</b>                                     | <b>31/12/2018<br/>December 31<sup>st</sup>, 2018</b> | <b>31/12/2017<br/>December 31<sup>st</sup>, 2017</b> |
| <b>I</b>                                               | <b>Tài sản / Total Assets</b>                                     | <b>39.620.320</b>                                    | <b>26.995.100</b>                                    |
| 1                                                      | Tài sản ngắn hạn /<br><i>Current Assets</i>                       | 9.842.808                                            | 7.336.717                                            |
| 2                                                      | Tài sản dài hạn /<br><i>Long-term Assets</i>                      | 29.777.512                                           | 19.658.383                                           |
| <b>II</b>                                              | <b>Nguồn vốn / Resources</b>                                      | <b>39.620.320</b>                                    | <b>26.995.100</b>                                    |
| 1                                                      | Nợ phải trả /<br><i>Liabilities</i>                               | 23.324.964                                           | 15.815.002                                           |
| 2                                                      | Vốn chủ sở hữu /<br><i>Owners' Equity</i>                         | 16.295.356                                           | 11.180.098                                           |
| <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT</b> |                                                                   |                                                      |                                                      |
| 1                                                      | Doanh thu thuần /<br><i>Net Revenue</i>                           | 3.803.674                                            | 2.993.419                                            |
| 2                                                      | Lợi nhuận trước thuế /<br><i>Net Accounting Profit Before Tax</i> | 1.809.394                                            | 421.890                                              |
| 3                                                      | Lợi nhuận sau thuế /<br><i>Net Profit After Tax</i>               | 1.469.560                                            | 421.890                                              |

**ĐIỀU 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 2:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No.: 03/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018  
Re: Approval for profit distribution for 2018

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
The Law on Enterprises No.68/2014/QH13 dated on November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va;  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation;
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va số 13/2018-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG ngày 26/04/2018;  
The 2018 Annual General Meeting of Shareholders' Resolution No. 13/2018-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG dated April 26<sup>th</sup>, 2018 of No Va Land Investment Group Corporation;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).  
Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

The Board of Directors would like to submit General Meeting of Shareholders ("GMS") to approve the profit distribution of 2018 as follows:

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND million

| STT /<br>NO. | Diễn giải / Description                                                                                                                                                                                                         | Giá trị / Value |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế<br>đến cuối năm 2018 /<br>Accumulated Undistributed Earnings as of December 31, 2018                                                                                                   | 6.107.694       |
| 2            | Chia cổ tức cho cổ đông sở hữu Cổ phần Ưu đãi Cổ tức<br>Chuyển đổi (Dự kiến chi trả vào tháng 9 và tháng 12/2019) /<br>Dividend payment to Convertible Preferred Shares<br>(Expected to be paid in September and December 2019) | 20.490          |
| 3            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại<br>sau khi chi trả cổ tức /<br>Remaining Undistributed Earnings                                                                                                                       | 6.087.204       |

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

✓

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.  
*Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN OF THE BOARD



**BUI THÀNH NHƠN**



Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

Vu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/ No.: ...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA

### RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION

#### Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va số 13/2018-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG ngày 26/04/2018;  
*The 2018 Annual General Meeting of Shareholders' Resolution No. 13/2018-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG dated April 26<sup>th</sup>, 2018 of No Va Land Investment Group Corporation;*
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
*Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited;*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ...../...../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ....., 2019.*

## QUYẾT NGHỊ RESOLVE

**ĐIỀU 1:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of the profit distribution of 2018 as follows:

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND millions

| STT /<br>NO. | Diễn giải / Description                                                                                                                                                                                                          | Giá trị / Value |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2018 /<br><i>Accumulated Undistributed Earnings as of December 31, 2018</i>                                                                                                | 6.107.694       |
| 2            | Chia cổ tức cho cổ đông sở hữu Cổ phần Ưu đãi Cổ tức Chuyển đổi (Dự kiến chi trả vào tháng 9 và tháng 12/2019) /<br><i>Dividend payment to Convertible Preferred Shares (Expected to be paid in September and December 2019)</i> | 20.490          |
| 3            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi chi trả cổ tức /<br><i>Remaining Undistributed Earnings</i>                                                                                                                    | 6.087.204       |

**ĐIỀU 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 2:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NƠ VẢ  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No. 04/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Re: Approval for Business Plan for 2019

### Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty");  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company");
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).  
Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited.

Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty") và dự báo về thị trường Bất động sản trong năm 2019, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

According to the current business activities of No Va Land Investment Group Corporation and the 2019 real estate market forecast, the Board of Directors (BOD) would like to submit General Meeting of Shareholders ("GMS") for Business plan for 2019 with key indicators as follow:

### 1. Kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm 2019 / Revenue and profit targets for 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND millions

| STT /<br>NO. | Chỉ tiêu / Figures                                            | Thực hiện 2018 /<br>Actual 2018 | Kế hoạch 2019 /<br>Forecast 2019 | Tăng/giảm so với năm 2018<br>Increase/decrease to 2018 |                     |
|--------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
|              |                                                               |                                 |                                  | %                                                      | Giá trị /<br>Amount |
| 1            | Doanh thu thuần /<br>Net Revenue                              | 15.290.393                      | 18.000.000                       | 17,7%                                                  | 2.709.607           |
| 2            | Lợi nhuận trước thuế /<br>Net Accounting Profit<br>Before Tax | 4.675.374                       | 4.750.000                        | 1.6%                                                   | 74.626              |
| 3            | Lợi nhuận sau thuế /<br>Net Profit After Tax                  | 3.276.070                       | 3.300.000                        | 0,7%                                                   | 23.930              |

### 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2019 / Business Plan for 2019:

2.1 Trong năm 2019, Công Ty dự kiến tiếp tục phát triển, nhưng không giới hạn, các dự án sau đây:

In 2019, The Company continues to develop, including but not limited to, the following projects:

| STT /<br>NO. | Tên dự án / Project Name | Vị trí / Location   | Khu vực / Region   |
|--------------|--------------------------|---------------------|--------------------|
| 1            | Lakeview                 | Quận 2 / District 2 | Khu Đông / Eastern |
| 2            | Victoria Village         | Quận 2 / District 2 |                    |
| 3            | The Sun Avenue           | Quận 2 / District 2 |                    |

*Handwritten signature/initials*

|    |                        |                                     |                                       |
|----|------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 4  | Golf Park Residence    | Quận 9 / District 9                 | Khu Tây / Western                     |
| 5  | Richstar               | Quận Tân Phú / Tan Phu District     |                                       |
| 6  | Newton Residence       | Quận Phú Nhuận / Phu Nhuan District |                                       |
| 7  | Golden Mansion         | Quận Phú Nhuận / Phu Nhuan District |                                       |
| 8  | The Botanica           | Quận Tân Bình / Tan Binh District   |                                       |
| 9  | Orchard Parkview       | Quận Phú Nhuận / Phu Nhuan District |                                       |
| 10 | Botanica Premier       | Quận Tân Bình / Tan Binh District   | Khu Trung Tâm / Central               |
| 11 | Saigon Royal Residence | Quận 4 / District 4                 |                                       |
| 12 | The Grand Manhattan    | Quận 1 / District 1                 | Khu Nam / Southern                    |
| 13 | Sunrise Riverside      | Huyện Nhà Bè / Nha Be Commune       |                                       |
| 14 | Sunrise Cityview       | Quận 7 / District 7                 | Tỉnh Bình Thuận / Binh Thuan Province |
| 15 | NovaHills Mũi Né       | Mũi Né / Mui Ne                     |                                       |
| 16 | NovaBeach Cam Ranh     | Cam Ranh / Cam Ranh                 | Tỉnh Khánh Hòa / Khanh Hoa Province   |

2.2 Trong năm 2019, Công Ty dự kiến phát triển mới, nhưng không giới hạn, các dự án sau đây:

*In 2019, The Company plans to develop, including but not limited to, the following new projects:*

| STT / NO. | Tên dự án / Project Name                                            | Vị trí / Location                                                            | Khu vực / Region   |
|-----------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1         | Dự án F / Project F                                                 | Quận 2 / District 2                                                          | Khu Đông / Eastern |
| 2         | Dự án P / Project P                                                 | Quận 2 / District 2                                                          |                    |
| 3         | Dự án T / Project T                                                 | Quận 9 / District 9                                                          |                    |
| 4         | Các dự án Bất động sản nghỉ dưỡng khác / Other hospitality projects | Tỉnh Bình Thuận / Binh Thuan Province<br>Tỉnh Khánh Hòa / Khanh Hoa Province |                    |

2.3 Kế hoạch bàn giao dự kiến cụ thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các dự án sau đây:

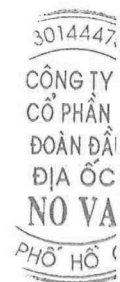
*The Company plans to handover, including but not limited to, the following projects:*

| STT / NO. | Tên dự án / Project Name | Vị trí / Location                   | Khu vực / Region        |
|-----------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
| 1         | Lakeview                 | Quận 2 / District 2                 | Khu Đông / Eastern      |
| 2         | Victoria Village         | Quận 2 / District 2                 |                         |
| 3         | The Sun Avenue           | Quận 2 / District 2                 |                         |
| 4         | Golf Park Residence      | Quận 9 / District 9                 | Khu Tây / Western       |
| 5         | Richstar                 | Quận Tân Phú / Tan Phu District     |                         |
| 6         | Newton Residence         | Quận Phú Nhuận / Phu Nhuan District |                         |
| 7         | Golden Mansion           | Quận Phú Nhuận / Phu Nhuan District |                         |
| 8         | The Botanica             | Quận Tân Bình / Tan Binh District   |                         |
| 9         | Orchard Parkview         | Quận Phú Nhuận / Phu Nhuan District |                         |
| 10        | Rivergate                | Quận 4 / District 4                 | Khu Trung Tâm / Central |
| 11        | Saigon Royal Residence   | Quận 4 / District 4                 |                         |
| 12        | Sunrise Riverside        | Huyện Nhà Bè / Nha Be Commune       | Khu Nam / Southern      |

### 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 / Profit distribution for 2019:

Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến cho năm 2019 tối đa là 20% Vốn điều lệ, chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phần. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc phân phối lợi nhuận này.

*The expected dividend ratio for 2019 will be under or equal to 20% of the Chartered Capital, to be paid in cash or share. The AGM authorizes the BOD to execute the profit distribution for 2019.*

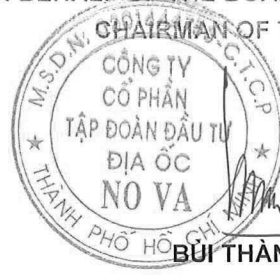


*Handwritten signature*

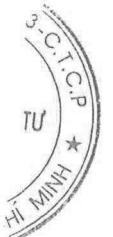


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.  
Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN OF THE BOARD



**BUI THANH NHƠN**



Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

*[Handwritten signature]*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/ No.: ...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA

### RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION

#### Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
*Separate and Consolidated Annual Financial Statements 2018 audited by PwC (Vietnam) Limited;*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ...../...../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ..... 2019.*

## QUYẾT NGHỊ RESOLVE

**ĐIỀU 1:** Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công Ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of The Company's Business plan for 2019 with key indicators as follows:

#### 1. Kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm 2019 / Revenue and profit targets for 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng  
Unit: VND millions

| STT<br>/ NO. | Chỉ tiêu / Figures                                            | Thực hiện 2018 /<br>Actual 2018 | Kế hoạch 2019 /<br>Forecast 2019 | Tăng/giảm so với năm 2018<br>Increase/decrease to 2018 |                     |
|--------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
|              |                                                               |                                 |                                  | %                                                      | Giá trị /<br>Amount |
| 1            | Doanh thu thuần /<br>Net Revenue                              | 15.290.393                      | 18.000.000                       | 17,7%                                                  | 2.709.607           |
| 2            | Lợi nhuận trước thuế /<br>Net Accounting Profit<br>Before Tax | 4.675.374                       | 4.750.000                        | 1.6%                                                   | 74.626              |
| 3            | Lợi nhuận sau thuế /<br>Net Profit After Tax                  | 3.276.070                       | 3.300.000                        | 0,7%                                                   | 23.930              |

## 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2019 / *Business Plan for 2019:*

- a. Trong năm 2019, Công Ty dự kiến tiếp tục phát triển, nhưng không giới hạn, các dự án sau đây:

*In 2019, The Company continues to develop, including but not limited to, the following projects:*

| STT / NO. | Tên dự án / <i>Project Name</i> | Vị trí / <i>Location</i>                   | Khu vực / <i>Region</i>                      |
|-----------|---------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1         | Lakeview                        | Quận 2 / <i>District 2</i>                 | Khu Đông / <i>Eastern</i>                    |
| 2         | Victoria Village                | Quận 2 / <i>District 2</i>                 |                                              |
| 3         | The Sun Avenue                  | Quận 2 / <i>District 2</i>                 |                                              |
| 4         | Golf Park Residence             | Quận 9 / <i>District 9</i>                 |                                              |
| 5         | Richstar                        | Quận Tân Phú / <i>Tan Phu District</i>     | Khu Tây / <i>Western</i>                     |
| 6         | Newton Residence                | Quận Phú Nhuận / <i>Phu Nhuan District</i> |                                              |
| 7         | Golden Mansion                  | Quận Phú Nhuận / <i>Phu Nhuan District</i> |                                              |
| 8         | The Botanica                    | Quận Tân Bình / <i>Tan Binh District</i>   |                                              |
| 9         | Orchard Parkview                | Quận Phú Nhuận / <i>Phu Nhuan District</i> |                                              |
| 10        | Botanica Premier                | Quận Tân Bình / <i>Tan Binh District</i>   | Khu Trung Tâm / <i>Central</i>               |
| 11        | Saigon Royal Residence          | Quận 4 / <i>District 4</i>                 |                                              |
| 12        | The Grand Manhattan             | Quận 1 / <i>District 1</i>                 | Khu Nam / <i>Southern</i>                    |
| 13        | Sunrise Riverside               | Huyện Nhà Bè / <i>Nha Be Commune</i>       |                                              |
| 14        | Sunrise Cityview                | Quận 7 / <i>District 7</i>                 | Tỉnh Bình Thuận / <i>Binh Thuan Province</i> |
| 15        | NovaHills Mũi Né                | Mũi Né / <i>Mui Ne</i>                     |                                              |
| 16        | NovaBeach Cam Ranh              | Cam Ranh / <i>Cam Ranh</i>                 | Tỉnh Khánh Hòa / <i>Khánh Hòa Province</i>   |

- b. Trong năm 2019, Công Ty dự kiến phát triển mới, nhưng không giới hạn, các dự án sau đây:

*In 2019, The Company plans to develop, including but not limited to, the following new projects:*

| STT / NO. | Tên dự án / <i>Project Name</i>                                            | Vị trí / <i>Location</i>                                                                   | Khu vực / <i>Region</i>   |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1         | Dự án F / <i>Project F</i>                                                 | Quận 2 / <i>District 2</i>                                                                 | Khu Đông / <i>Eastern</i> |
| 2         | Dự án P / <i>Project P</i>                                                 | Quận 2 / <i>District 2</i>                                                                 |                           |
| 3         | Dự án T / <i>Project T</i>                                                 | Quận 9 / <i>District 9</i>                                                                 |                           |
| 4         | Các dự án Bất động sản nghỉ dưỡng khác / <i>Other hospitality projects</i> | Tỉnh Bình Thuận / <i>Binh Thuan Province</i><br>Tỉnh Khánh Hòa / <i>Khánh Hòa Province</i> |                           |

- c. Kế hoạch bàn giao dự kiến cụ thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các dự án sau đây:

*The Company plans to handover, including but not limited to, the following projects:*

| STT / NO. | Tên dự án / <i>Project Name</i> | Vị trí / <i>Location</i>               | Khu vực / <i>Region</i>   |
|-----------|---------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|
| 1         | Lakeview                        | Quận 2 / <i>District 2</i>             | Khu Đông / <i>Eastern</i> |
| 2         | Victoria Village                | Quận 2 / <i>District 2</i>             |                           |
| 3         | The Sun Avenue                  | Quận 2 / <i>District 2</i>             |                           |
| 4         | Golf Park Residence             | Quận 9 / <i>District 9</i>             |                           |
| 5         | Richstar                        | Quận Tân Phú / <i>Tan Phu District</i> | Khu Tây / <i>Western</i>  |

|    |                        |                                            |                                |
|----|------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|
| 6  | Newton Residence       | Quận Phú Nhuận / <i>Phu Nhuan District</i> |                                |
| 7  | Golden Mansion         | Quận Phú Nhuận / <i>Phu Nhuan District</i> |                                |
| 8  | The Botanica           | Quận Tân Bình / <i>Tan Binh District</i>   |                                |
| 9  | Orchard Parkview       | Quận Phú Nhuận / <i>Phu Nhuan District</i> |                                |
| 10 | Rivergate              | Quận 4 / <i>District 4</i>                 | Khu Trung Tâm / <i>Central</i> |
| 11 | Saigon Royal Residence | Quận 4 / <i>District 4</i>                 |                                |
| 12 | Sunrise Riverside      | Huyện Nhà Bè / <i>Nha Be Commune</i>       | Khu Nam / <i>Southern</i>      |

### 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 / Profit distribution for 2019:

Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến cho năm 2019 tối đa là 20% Vốn điều lệ, chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phần. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc phân phối lợi nhuận này.

The expected dividend ratio for 2019 will be under or equal to 20% of the Chartered Capital, to be paid in cash or share. The AGM authorizes the BOD to execute the profit distribution for 2019.

**ĐIỀU 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 2:** This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No.: 05.../2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2019  
Re: Approval for the Selection of auditing company in 2019

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");

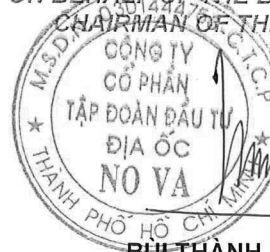
Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong những Công ty Kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va trong năm tài chính 2019 với danh sách đề xuất bao gồm:

The Board of Directors (BOD) would like to submit General Meeting of Shareholders ("GMS") to authorize the BOD to select one of the following auditing firms to audit The Company's Financial Statements in 2019:

- (i) Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
PwC (Vietnam) Limited;
- (ii) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;  
Deloitte Vietnam Company Limited;
- (iii) Công ty TNHH KPMG; và  
KPMG Limited; and
- (iv) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.  
Ernst & Young Vietnam Limited.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.  
Respectfully submitting to GMS for consideration and approval.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN OF THE BOARD



BUI THANH NHƠN

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Vu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/ No.: ...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ..../..../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ..... 2019.*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong những Công ty Kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công Ty trong năm tài chính 2019 với danh sách đề xuất bao gồm:

**ARTICLE 1:** Approval of authorizing the BOD to select one of the following auditing firms to audit The Company's Financial Statements in 2019:

- (i) Công ty TNHH PwC (Việt Nam);  
*PwC (Vietnam) Limited;*
- (ii) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;  
*Deloitte Vietnam Company Limited;*
- (iii) Công ty TNHH KPMG; và  
*KPMG Limited; and*
- (iv) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.  
*Ernst & Young Vietnam Limited.*

**ĐIỀU 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 2:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No.: 06/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup> 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thù lao Hội đồng quản trị  
Re.: Remuneration of the Board of Directors

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;  
Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup>, 2010;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty").  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company").

Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua thù lao của HĐQT đã thực hiện năm 2018 và dự kiến năm 2019 như sau:

The Board of Directors (BOD) would like to submit to General Meeting of Shareholders (GMS) for the BOD's remuneration disbursed in 2018 and the proposed remuneration in 2019 as follows:

#### **1. Thù lao đã chi trả năm 2018/The disbursed remuneration in 2018:**

- Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua: không quá 2.000.000.000 đồng/năm;

The total remuneration of the BOD in 2018 approved by General Meeting of Shareholders ("GMS"): Not exceed VND 2,000,000,000 per year;

- Thù lao HĐQT đã chi trả: 990.000.000 đồng.

The BOD's remuneration in 2018 was paid: VND 990,000,000.

#### **2. Mức thù lao dự kiến chi trả năm 2019/The proposed remuneration in 2019:**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2019, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao cho HĐQT năm 2019 như sau:

Pursuant to the business plan in 2019, the BOD would like to submit to the GMS for the proposed remuneration in 2019 as follows:

- Thù lao của HĐQT: không quá 5.000.000.000 đồng/năm;

The remuneration of the BOD: Not exceed VND 5,000,000,000 per year;



- Giao cho HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT và thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT.

*Authorize the BOD to decide the detail for each BOD's member and proceed for remuneration disbursement.*

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

*Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**ON BEHALF OF THE BOD**

**CHAIRMAN OF THE BOARD**



**BUI THÀNH NHƠN**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/ No.:...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày tháng năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;  
*Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;*
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
*Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup>, 2010;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company");*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công Ty ngày ...../...../2019..  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ....., 2019*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công Ty như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of remuneration of the Board of Directors (BOD) of The Company as follow:

**1. Thù lao đã chi trả năm 2018/ The disbursed remuneration in 2018:**

- Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua: không quá 2.000.000.000 đồng/năm;  
*The total remuneration of the BOD in 2018 approved by General Meeting of Shareholders ("GMS"): Not exceed VND 2,000,000,000 per year;*
- Thù lao HĐQT đã chi trả: 990.000.000 đồng.  
*The BOD's remuneration in 2018 was paid: VND 990,000,000.*

**2. Mức thù lao dự kiến chi trả năm 2019/ The proposed remuneration in 2019:**

- Thù lao của HĐQT: không quá 5.000.000.000 đồng/năm.  
*The remuneration of the BOD: Not exceed VND 5,000,000,000 per year.*

**ĐIỀU 2:** Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT và thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT.

**ARTICAL 2:** *The General Meeting of Shareholders authorize the BOD to decide the detail for each BOD's member and proceed for remuneration disbursement.*

**ĐIỀU 3:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICAL 3:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ON BEHALF OF GENERAL**  
**MEETING OF SHAREHOLDERS**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD**

**BÙI THÀNH NHƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

Số/No.: 01/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup> 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Từ nhiệm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị  
và bầu bổ sung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2021  
Re.: Resignation of Independent member of the Board of Directors  
and subsequent election of Independent member of the Board of Directors for the term 2016 -2021

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;  
Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup>, 2010;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“Công Ty”);  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation (“The Company”)

Căn cứ Nghị quyết số 15/2019-NQ-HĐQT-NVLG ngày 20/03/2019 của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công Ty ghi nhận việc từ nhiệm chức danh thành viên độc lập HĐQT của Ông David Frederick Proctor, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua các nội dung sau:

Pursuant to Resolution of the Board of Directors (“BOD”) No. 15/2019-NQ-HĐQT-NVLG dated March 20<sup>th</sup> 2019 regarding to the acknowledgement of the resignation of Mr. David Frederick Proctor as the Independent Member of the BOD, the BOD would like to submit to General Meeting of Shareholders (“GMS”) for approval as follows:

1. Thông qua việc từ nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT của Ông David Frederick Proctor.  
Approval of the resignation of Mr. David Frederick Proctor as the Independent Member of BOD.
2. Thông qua việc bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2021.  
Approval of the subsequent election of the Independent member of BOD for the term 2016 -2021.

Kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua.

Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOD  
CHAIRMAN OF THE BOD



BUI THÀNH NHƠN

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION  
---o0o---

Số/ No.:...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
---o0o---

TP. HCM, ngày tháng năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;  
*Law on Securities No 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;*
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
*Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup>, 2010;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company");*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ngày ...../...../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ..... , 2019.*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua việc từ nhiệm chức danh Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ("HĐQT") của Ông David Frederick Proctor.

**ARTICLE 1:** Approval of the resignation of Mr. David Frederick Proctor as the Independent Member of the Board of Directors ("BOD").

**ĐIỀU 2:** Thông qua việc bầu bổ sung Ông/Bà \_\_\_\_\_ làm Thành viên độc lập HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021.

**ARTICLE 2:** Approval of subsequent election Mr./Ms. \_\_\_\_\_ as the Independent Member of BOD for the term 2016 -2021.

**ĐIỀU 3:** Danh sách Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021 như sau:

**ARTICLE 3:** The list of BOD Members of the Company for the term 2016 – 2021 as follow:

- Ông Bùi Thành Nhơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị;  
*Mr. Bui Thanh Nhon – Chairman of the Board;*
- Ông Bùi Xuân Huy - Thành viên Hội đồng quản trị.  
*Mr. Bui Xuan Huy – Member of the BOD;*

- Bà Hoàng Thu Châu - Thành viên Hội đồng quản trị.

*Ms. Hoang Thu Chau – Member of the BOD;*

- Bà Nguyễn Thanh Bích Thủy - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

*Ms. Nguyen Thanh Bich Thuy – Independent Member of the BOD;*

- Ông/Bà \_\_\_\_\_ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

*Mr./Ms.. \_\_\_\_\_ – Independent Member of the BOD.*

**ĐIỀU 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 4:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/No.: 08/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup>, 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh  
Re.: Supplement and amendment of Company's business lines

### Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;  
Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 dated on November 24<sup>th</sup>, 2010;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Công Ty").  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company").

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn về quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét, thông qua các nội dung như sau:

Pursuant to current laws and practical applications of corporate governance of No Va Land Investment Group Corporation, the Board of Directors ("BOD") would like to submit to General Meeting of Shareholders (GMS) for approval as follows:

### 1. Bổ sung, cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Supplement, updating and amendment to Company's business lines as follows:

- Bổ sung các ngành nghề liên quan đến dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa nghệ thuật và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Supplement to business lines relating to services of tourism, recreation and entertainment, art and cultural activities and investment of technical infrastructure.

- Sửa đổi, cập nhật các ngành nghề đã đăng ký theo quy định pháp luật.

Amendment, updating to business lines registered in accordance with law.

(Danh mục ngành nghề bổ sung, cập nhật, sửa đổi chi tiết đính kèm)

(The detail list of above business lines is attached)

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật.

Trong phạm vi ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc bổ sung, cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/ hoặc yêu cầu của pháp luật mà không cần thông qua từ ĐHĐCĐ.

*The Chairman of BOD, the legal representative of the Company are authorized to perform necessary procedures in accordance with law.*

*Within the scope of business lines approved by GMS, the Chairman of BOD, the legal representative of the Company decide all issues relating to the supplement, updating and amendment to the detail of business lines as required by competent state authorities and/or law without GMS's approval.*

3. Giao Hội đồng quản trị tiến hành cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ Công ty.

*The BOD is authorized to update, amend and supplement the Company's Charter.*

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

*Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOD   
CHAIRMAN OF THE BOARD  
  
BUI THÀNH NHƠN

**DANH MỤC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG, CẬP NHẬT, SỬA ĐỔI CHI TIẾT**  
**THE DETAIL LIST OF SUPPLEMENT, UPDATING AND AMENDMENT**  
**TO BUSINESS LINES**

(Đính kèm Tờ trình số ...../2019-TTr-NVLG ngày 04/04/2019)  
(Attached Proposal No. .... /2019-TTr-NVLG dated April 04<sup>th</sup>, 2019)

**1. Bổ sung, cập nhật ngành, nghề kinh doanh sau:**

*Supplement, updating to Company's business lines as follows:*

| STT/<br>No. | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung/<br><i>Business lines supplemented</i>                                                                                                                                                                          | Mã ngành/ Code |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1           | Đại lý du lịch<br><i>Travel agency activities</i>                                                                                                                                                                                                       | 7911           |
| 2           | Điều hành tua du lịch<br><i>Tour operator activities</i>                                                                                                                                                                                                | 7912           |
| 3           | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br><i>Reservation service and Service activities for promotion and operation of tours</i>                                                                           | 7990           |
| 4           | Hoạt động chiếu phim<br><i>Motion picture projection activities</i>                                                                                                                                                                                     | 5914           |
| 5           | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br><i>Operation of sports facilities</i>                                                                                                                                                                               | 9311           |
| 6           | Hoạt động thể thao khác<br><i>Other sports activities</i>                                                                                                                                                                                               | 9319           |
| 7           | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br><i>Activities of amusement parks and theme parks</i>                                                                                                                                   | 9321           |
| 8           | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br><i>Other amusement and recreation activities n.e.c</i>                                                                                                                                       | 9329           |
| 9           | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(không hoạt động tại trụ sở)<br><i>Steambath, massage and health improvement services (excluding sports activities)</i><br><i>(Not at Headquarter)</i> | 9610           |
| 10          | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú<br><i>Washing and (dry-) cleaning of textile and fur products</i>                                                                                                                                        | 9620           |
| 11          | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br><i>Hairdressing and shampooing</i>                                                                                                                                                                                         | 9631           |
| 12          | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br><i>Landscape care and maintenance service activities</i>                                                                                                                                                       | 8130           |
| 13          | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                           | 8551           |

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | <i>Sports and recreation education</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
| 14 | Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên<br><i>Botanical and zoological gardens and nature reserves activities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9103 |
| 15 | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br><i>Retail sale of sporting equipment in specialized stores</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4763 |
| 16 | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br><i>Retail sale of games and toys in specialized stores</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4764 |
| 17 | Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br><i>Retail sale of clothing, footwear, leather articles and imitation leather in specialized stores</i>                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 18 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br><i>Restaurants and mobile food service activities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 19 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br><i>Provision of food services based on contractual arrangements with the customer</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 20 | Cơ sở lưu trú khác/ Other accommodation<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại<br><i>Detail: Provision of short-stay accommodation, made of cloth, canvas is used for tourists in camping grounds, picnic</i>                                                                                                                           | 5590 |
| 21 | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Cam kết không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)<br><i>Creative, arts and entertainment activities</i><br>(Commitments: not to make explosives and pyrotechnic effects; not to use explosives and pyrotechnic products, chemical used for making props, tools in art program, event and movie) | 9000 |
| 22 | Xây dựng nhà để ở<br><i>Construction of buildings</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101 |
| 23 | Xây dựng nhà không để ở<br><i>Construction of all types of non-residential</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102 |
| 24 | Xây dựng công trình đường sắt<br><i>Construction of railways</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211 |
| 25 | Xây dựng công trình đường bộ<br><i>Construction of roads</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4212 |
| 26 | Xây dựng công trình điện<br><i>Construction of power works</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br><i>Construction of water supply and drainage works</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222 |
| 28 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc<br><i>Construction of communication works</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4223 |
| 29 | Xây dựng công trình công ích khác<br><i>Construction of other utility projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4229 |
| 30 | Xây dựng công trình thủy<br><i>Construction of water projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4291 |
| 31 | Xây dựng công trình khai khoáng<br><i>Construction of mining and quarrying projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4292 |
| 32 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo<br><i>Construction of manufacturing facilities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4293 |
| 33 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br><i>Construction of other civil engineering projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299 |
| 34 | Chuẩn bị mặt bằng<br><i>Site preparation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 35 | Lắp đặt hệ thống điện<br><i>Electrical installation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321 |
| 36 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)<br><i>Plumbing, heat and air-conditioning installation (Except for the installation of cooling electrical equipment (refrigerant translating device, cold storage, ice making machine, air conditioner, water cooler) using R22 cold refrigerant gas in processing industry of seafood and machining operation, materials recovery, electroplating at head quarter)</i> | 4322 |
| 37 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br><i>Other construction installation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329 |
| 38 | Vệ sinh chung nhà cửa<br><i>General cleaning of buildings</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121 |
| 39 | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br><i>Industrial cleaning activities and specialized cleaning activities for buildings</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8129 |
| 40 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br><i>Landscape care and maintenance service activities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8130 |
| 41 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br><i>Technical testing and analysis</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7120 |
| 42 | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3811 |

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin, và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | <i>Collection of non-hazardous waste</i>                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
| 43 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở)<br><i>Wholesale of construction materials and other installation supplies<br/>(Not at Headquarter)</i>                                                                                                                      | 4663 |
| 44 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br><i>Other specialized wholesale n.e.c</i>                                                                                                                                                                                                                       | 4669 |
| 45 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br><i>Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator</i>                                                                                                                                      | 7730 |
| 46 | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br><i>Manufacture of structural metal products</i>                                                                                                                                                                                                                                   | 2511 |
| 47 | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại<br><i>Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal</i>                                                                                                                                                                                       | 2512 |
| 48 | Sản xuất điện<br><i>Electric power generation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3511 |
| 49 | Truyền tải và phân phối điện<br><i>Electric power transmission and distribution</i>                                                                                                                                                                                                                                 | 3512 |
| 50 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu<br>(trừ thanh toán hối phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)<br><i>Other professional, scientific and technical activities n.e.c.<br/>(except for Bill settlement and freight rate information and Securities consulting)</i> | 7490 |
| 51 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)<br><i>Activities auxiliary to financial service activities n.e.c<br/>Detail: Investment advisory services (except for financial consulting, accounting)</i>                          | 6619 |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:**

**Elimination of business lines as follows:**

| STT/<br>No. | Tên ngành, nghề kinh doanh/<br>Business lines eliminated                                                                                | Mã<br>ngành/<br>Code | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng<br><i>Building houses of all types<br/>Detail: High-rise building</i> | 4100                 | Ngành nghề kinh doanh bị bãi bỏ theo Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018 (được thay thế bằng mã ngành 4101 và 4102 tại Mục 1 Danh mục này)<br><i>The business line is eliminated by Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018 (The such business lines shall be replaced by Code 4101</i> |

|   |                                                                                                                                                                                                                        |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                                                                                                        |      | and Code 4102 stipulated in Section 1 of this detail list)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2 | <p>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ</p> <p>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng</p> <p><i>Building railways and highway construction</i></p> <p><i>Detail: Civil construction</i></p> | 4210 | <p>Ngành nghề kinh doanh bị bãi bỏ theo Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018 (được thay thế bằng mã ngành 4211 và 4212 tại Mục 1 Danh mục này)</p> <p><i>The business line is eliminated by Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018 (The such business lines shall be replaced by Code 4211 and Code 4212 stipulated in Section 1 of this detail list)</i></p> |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau: (02 ngành)**

*Amendment to the detail of business lines as follows: (02 lines)*

| STT/<br>No. | Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký<br><i>Business lines registered</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết<br><i>Business lines amended in detail</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành/<br>Code No. | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Short-stay accommodation</i></p> <p><i>Detail: Hotels, villas, condotels, guesthouses, rooms for rent (Not at Headquarter)</i></p>                                                                                                   | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Short-stay accommodation (Not at Headquarter)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510                  | <p>Sửa đổi theo hướng đăng ký tất cả dịch vụ, hoạt động đối với ngành nghề kinh doanh Dịch vụ lưu trú ngắn ngày được quy định tại Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018</p> <p><i>Amendment to register all services, operation for the line of Short-stay accommodation stipulated in Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018</i></p> |
| 2           | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Architectural practice and related technical consultancy</i></p> <p>Chi tiết: Quản lý dự án. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Dịch vụ kiến trúc. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm việc thẩm định các lắp đặt kết cấu, cơ học và điện của tòa nhà. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ. Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh</p> | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Architectural practice and related technical consultancy</i></p> <p>Chi tiết: Quản lý dự án. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Dịch vụ kiến trúc. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm việc thẩm định các lắp đặt kết cấu, cơ học và điện của tòa nhà. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ. Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị.</p> | 7110                  | <p>Sửa đổi theo hướng bổ sung chi tiết ngành, nghề theo quy định tại Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018</p> <p><i>Supplement to the detail of business lines stipulated in Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018</i></p>                                                                                                          |



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| <p>quan đô thị. Các công tác thi công khác.</p> <p><i>Detail: Project management. Supervision and inspection of construct. Architectural services. Technical consulting services including of the appraisal of the installation structure, mechanic and electricity of the building. Integrated engineering services. Urban planning and urban landscape architectural services. Other construction work.</i></p> | <p>Các công tác thi công khác. <b>Lập dự án đầu tư; Lập tổng dự toán và dự toán; Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý chi phí xây dựng</b></p> <p><i>Detail: Project management. Supervision and inspection of construct. Architectural services. Technical consulting services including of the appraisal of the installation structure, mechanic and electricity of the building. Integrated engineering services. Urban planning and urban landscape architectural services. Other construction work. <b>Making investment project; Making general cost estimate and estimate; Tender consulting; management consulting of construction expenditure</b></i></p> |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

100%  
★



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/ No.: ...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày tháng năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**  
**OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;  
*Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;*
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
*Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 dated on November 24<sup>th</sup>, 2010;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“Công Ty”);  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation (“The Company”);*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công Ty ngày ...../...../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (“AGM”) dated ....., 2019*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua việc bổ sung, cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công Ty như sau:

**ARTICLE 1:** *Approval of supplement, updating and amendment to The Company’s business lines as follows:*

- Bổ sung các ngành nghề liên quan đến dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa nghệ thuật và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật;  
*Supplement to business lines relating to services of tourism, recreation and entertainment, art and cultural activities and investment of technical infrastructure;*

- Sửa đổi, cập nhật các ngành nghề đã đăng ký theo quy định pháp luật;  
*Amendment, updating to business lines registered in accordance with law.*  
*(Danh mục ngành nghề bổ sung, cập nhật, sửa đổi chi tiết đính kèm)*  
*(The detail list of above business lines is attached)*

**ĐIỀU 2:** Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật.

**ARTICLE 2:** *The Chairman of BOD, the legal representative of the Company are authorized to perform necessary procedures in accordance with law.*

Trong phạm vi ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của Công Ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc bổ sung, cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/ hoặc yêu cầu của pháp luật mà không cần thông qua từ ĐHĐCĐ.

*Within the scope of business lines approved by GMS, the Chairman of BOD, the legal representative of The Company decide all issues relating to the supplement, updating and amendment to the detail of business lines as required by competent state authorities and/or law without GMS's approval.*

**ĐIỀU 3:** Giao Hội đồng quản trị tiến hành cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ Công ty.

**ARTICLE 3:** *The BOD is authorized to update, amend and supplement The Company's Charter.*

**ĐIỀU 3:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 3:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ON BEHALF OF GENERAL**  
**MEETING OF SHAREHOLDERS**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD**

**BÙI THÀNH NHƠN**

**DANH MỤC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG, CẬP NHẬT, SỬA ĐỔI CHI TIẾT**  
**THE DETAIL LIST OF SUPPLEMENT, UPDATING AND AMENDMENT**  
**TO BUSINESS LINES**

(Đính kèm Nghị quyết số ...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG ngày ...../...../2019)  
(Attached Resolution No. ....../2019- NQ.ĐHĐCĐ-NVLG dated ....., 2019)

**1. Bổ sung, cập nhật ngành, nghề kinh doanh sau:**

*Supplement, updating to Company's business lines as follows:*

| STT/<br>No. | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung/<br><i>Business lines supplemented</i>                                                                                                                                                                          | Mã ngành/ <i>Code</i> |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1           | Đại lý du lịch<br><i>Travel agency activities</i>                                                                                                                                                                                                       | 7911                  |
| 2           | Điều hành tua du lịch<br><i>Tour operator activities</i>                                                                                                                                                                                                | 7912                  |
| 3           | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br><i>Reservation service and Service activities for promotion and operation of tours</i>                                                                           | 7990                  |
| 4           | Hoạt động chiếu phim<br><i>Motion picture projection activities</i>                                                                                                                                                                                     | 5914                  |
| 5           | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br><i>Operation of sports facilities</i>                                                                                                                                                                               | 9311                  |
| 6           | Hoạt động thể thao khác<br><i>Other sports activities</i>                                                                                                                                                                                               | 9319                  |
| 7           | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br><i>Activities of amusement parks and theme parks</i>                                                                                                                                   | 9321                  |
| 8           | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br><i>Other amusement and recreation activities n.e.c</i>                                                                                                                                       | 9329                  |
| 9           | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(không hoạt động tại trụ sở)<br><i>Steambath, massage and health improvement services (excluding sports activities)</i><br><i>(Not at Headquarter)</i> | 9610                  |
| 10          | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú<br><i>Washing and (dry-) cleaning of textile and fur products</i>                                                                                                                                        | 9620                  |
| 11          | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br><i>Hairdressing and shampooing</i>                                                                                                                                                                                         | 9631                  |
| 12          | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br><i>Landscape care and maintenance service activities</i>                                                                                                                                                       | 8130                  |
| 13          | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                           | 8551                  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | <i>Sports and recreation education</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
| 14 | Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên<br><i>Botanical and zoological gardens and nature reserves activities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9103 |
| 15 | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br><i>Retail sale of sporting equipment in specialized stores</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4763 |
| 16 | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br><i>Retail sale of games and toys in specialized stores</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4764 |
| 17 | Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br><i>Retail sale of clothing, footwear, leather articles and imitation leather in specialized stores</i>                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 18 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br><i>Restaurants and mobile food service activities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 19 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br><i>Provision of food services based on contractual arrangements with the customer</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 20 | Cơ sở lưu trú khác/ Other accommodation<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại<br><i>Detail: Provision of short-stay accommodation, made of cloth, canvas is used for tourists in camping grounds, picnic</i>                                                                                                                           | 5590 |
| 21 | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Cam kết không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)<br><i>Creative, arts and entertainment activities</i><br>(Commitments: not to make explosives and pyrotechnic effects; not to use explosives and pyrotechnic products, chemical used for making props, tools in art program, event and movie) | 9000 |
| 22 | Xây dựng nhà để ở<br><i>Construction of buildings</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101 |
| 23 | Xây dựng nhà không để ở<br><i>Construction of all types of non-residential</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102 |
| 24 | Xây dựng công trình đường sắt<br><i>Construction of railways</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211 |
| 25 | Xây dựng công trình đường bộ<br><i>Construction of roads</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4212 |
| 26 | Xây dựng công trình điện<br><i>Construction of power works</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br><i>Construction of water supply and drainage works</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4222 |
| 28 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc<br><i>Construction of communication works</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4223 |
| 29 | Xây dựng công trình công ích khác<br><i>Construction of other utility projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4229 |
| 30 | Xây dựng công trình thủy<br><i>Construction of water projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4291 |
| 31 | Xây dựng công trình khai khoáng<br><i>Construction of mining and quarrying projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4292 |
| 32 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo<br><i>Construction of manufacturing facilities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4293 |
| 33 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br><i>Construction of other civil engineering projects</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4299 |
| 34 | Chuẩn bị mặt bằng<br><i>Site preparation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 35 | Lắp đặt hệ thống điện<br><i>Electrical installation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 36 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)<br><i>Plumbing, heat and air-conditioning installation<br/>(Except for the installation of cooling electrical equipment (refrigerant translating device, cold storage, ice making machine, air conditioner, water cooler) using R22 cold refrigerant gas in processing industry of seafood and machining operation, materials recovery, electroplating at head quarter)</i> | 4322 |
| 37 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br><i>Other construction installation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329 |
| 38 | Vệ sinh chung nhà cửa<br><i>General cleaning of buildings</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8121 |
| 39 | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br><i>Industrial cleaning activities and specialized cleaning activities for buildings</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8129 |
| 40 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br><i>Landscape care and maintenance service activities</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8130 |
| 41 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br><i>Technical testing and analysis</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7120 |
| 42 | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3811 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | <i>Collection of non-hazardous waste</i>                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
| 43 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở)<br><i>Wholesale of construction materials and other installation supplies<br/>(Not at Headquarter)</i>                                                                                                                      | 4663 |
| 44 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br><i>Other specialized wholesale n.e.c</i>                                                                                                                                                                                                                       | 4669 |
| 45 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br><i>Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator</i>                                                                                                                                      | 7730 |
| 46 | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br><i>Manufacture of structural metal products</i>                                                                                                                                                                                                                                   | 2511 |
| 47 | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại<br><i>Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal</i>                                                                                                                                                                                       | 2512 |
| 48 | Sản xuất điện<br><i>Electric power generation</i>                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3511 |
| 49 | Truyền tải và phân phối điện<br><i>Electric power transmission and distribution</i>                                                                                                                                                                                                                                 | 3512 |
| 50 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu<br>(trừ thanh toán hối phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)<br><i>Other professional, scientific and technical activities n.e.c.<br/>(except for Bill settlement and freight rate information and Securities consulting)</i> | 7490 |
| 51 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)<br><i>Activities auxiliary to financial service activities n.e.c<br/>Detail: Investment advisory services (except for financial consulting, accounting)</i>                          | 6619 |

## 2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

### *Elimination of business lines as follows:*

| STT/<br>No. | Tên ngành, nghề kinh doanh/<br><i>Business lines eliminated</i>                                                                         | Mã<br>ngành/<br>Code | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng<br><i>Building houses of all types<br/>Detail: High-rise building</i> | 4100                 | Ngành nghề kinh doanh bị bãi bỏ theo Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018 (được thay thế bằng mã ngành 4101 và 4102 tại Mục 1 Danh mục này)<br><br><i>The business line is eliminated by Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018 (The such business lines shall be replaced by Code 4101</i> |

|   |                                                                                                                                                                                                                        |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                                                                                                        |      | and Code 4102 stipulated in Section 1 of this detail list)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2 | <p>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ</p> <p>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng</p> <p><i>Building railways and highway construction</i></p> <p><i>Detail: Civil construction</i></p> | 4210 | <p>Ngành nghề kinh doanh bị bãi bỏ theo Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018 (được thay thế bằng mã ngành 4211 và 4212 tại Mục 1 Danh mục này)</p> <p><i>The business line is eliminated by Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018 (The such business lines shall be replaced by Code 4211 and Code 4212 stipulated in Section 1 of this detail list)</i></p> |

### 3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau: (02 ngành)

*Amendment to the detail of business lines as follows: (02 lines)*

| STT/<br>No. | Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký<br><i>Business lines registered</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết<br><i>Business lines amended in detail</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành/<br>Code No. | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Short-stay accommodation</i></p> <p><i>Detail: Hotels, villas, condotels, guesthouses, rooms for rent (Not at Headquarter)</i></p>                                                                                                   | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Short-stay accommodation (Not at Headquarter)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510                  | <p>Sửa đổi theo hướng đăng ký tất cả dịch vụ, hoạt động đối với ngành nghề kinh doanh Dịch vụ lưu trú ngắn ngày được quy định tại Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018</p> <p><i>Amendment to register all services, operation for the line of Short-stay accommodation stipulated in Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018</i></p> |
| 2           | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Architectural practice and related technical consultancy</i></p> <p>Chi tiết: Quản lý dự án. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Dịch vụ kiến trúc. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm việc thẩm định các lắp đặt kết cấu, cơ học và điện của tòa nhà. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ. Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh</p> | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Architectural practice and related technical consultancy</i></p> <p>Chi tiết: Quản lý dự án. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Dịch vụ kiến trúc. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm việc thẩm định các lắp đặt kết cấu, cơ học và điện của tòa nhà. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ. Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị.</p> | 7110                  | <p>Sửa đổi theo hướng bổ sung chi tiết ngành, nghề theo quy định tại Quyết định số 27/2018-QĐ-TTg ngày 06/07/2018</p> <p><i>Supplement to the detail of business lines stipulated in Decision No. 27/2018-QĐ-TTg dated July 6<sup>th</sup> 2018</i></p>                                                                                                          |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>quan đô thị. Các công tác thi công khác.</p> <p><i>Detail: Project management. Supervision and inspection of construct. Architectural services. Technical consulting services including of the appraisal of the installation structure, mechanic and electricity of the building. Integrated engineering services. Urban planning and urban landscape architectural services. Other construction work.</i></p> | <p>Các công tác thi công khác. <b>Lập dự án đầu tư; Lập tổng dự toán và dự toán; Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý chi phí xây dựng</b></p> <p><i>Detail: Project management. Supervision and inspection of construct. Architectural services. Technical consulting services including of the appraisal of the installation structure, mechanic and electricity of the building. Integrated engineering services. Urban planning and urban landscape architectural services. Other construction work. <b>Making investment project; Making general cost estimate and estimate; Tender consulting; management consulting of construction expenditure</b></i></p> |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|



## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua kế hoạch Phát hành cổ phần  
theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2019  
Re: Approval for Employee Stock Ownership Plan (ESOP) 2019

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;  
Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup>, 2010;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");
- Tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.  
The current business results of No Va Land Investment Group Corporation.

Nhằm gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động của Công ty và bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty, Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va phê duyệt kế hoạch Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("**ESOP**") năm 2019 như sau:

For the purpose of increasing employee retention as well as raising the Company's working capital, The Board of Directors ("**BOD**") would like to submit General Meeting of Shareholders ("**GMS**") to approve the Employee Stock Ownership Plan ("**ESOP**") plan 2019 as follows:

### **I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH:** **DETAILED PLAN:**

- |                                                            |                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - <b>Tên cổ phiếu:</b><br><i>Name of share:</i>            | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va<br><i>No Va Land Investment Group Corporation share</i>                                                                               |
| - <b>Loại cổ phần:</b><br><i>Type of share:</i>            | Cổ phần phổ thông<br><i>Ordinary share</i>                                                                                                                                                  |
| - <b>Mệnh giá:</b><br><i>Par value:</i>                    | 10.000 đồng/cổ phần<br><i>VND 10,000 per share</i>                                                                                                                                          |
| - <b>Đối tượng chào bán:</b><br><br><i>Eligible buyer:</i> | Thành viên HĐQT và nhân sự chủ chốt của Công ty theo danh sách do HĐQT phê duyệt<br><br><i>Members of the Board of Directors (BOD), key personnel of the Company as approved by the BOD</i> |

Va

- |   |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                    |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| – | <b>Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:</b><br><i>Estimated number of shares to be issued:</i> | Tối đa 2% số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành<br><i>Maximum 2% of total outstanding shares at the time of issuance</i>                                                    |
| – | <b>Giá chào bán:</b><br><i>Issuing price:</i>                                                 | Do HĐQT phê duyệt nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần<br><i>As decided by the BOD but no less than VND 10,000 per share</i>                                                                   |
| – | <b>Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:</b><br><i>Total issuance amount at par value:</i>    | Tối đa 2% tổng giá trị cổ phần đang lưu hành theo mệnh giá của Công ty tại thời điểm phát hành<br><i>Maximum 2% of the total par value of the total outstanding shares at the time of issuance</i> |
| – | <b>Hạn chế chuyển nhượng:</b><br><i>Transfer restriction:</i>                                 | Theo quy định trong Quy chế phát hành cho người lao động do HĐQT quyết định tại thời điểm phát hành<br><i>Following the ESOP issuance policy as decided by the BOD at the issuance time</i>        |
| – | <b>Thời gian thực hiện:</b><br><i>Issuance Timing:</i>                                        | Trong năm 2019<br><i>In 2019</i>                                                                                                                                                                   |
| – | <b>Mục đích phát hành:</b><br><i>Purpose:</i>                                                 | Gắn kết lợi ích của nhân viên với Công ty<br><i>Integrating the benefits of employees with the Company</i>                                                                                         |

## II. PHÊ DUYỆT VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: APPROVE AND AUTHORIZE TO THE BOARD OF DIRECTORS

Kính trình ĐHCĐ phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến kế hoạch phát hành ESOP, cụ thể như sau:

*The AGM approves and authorizes the BOD to decide all related matters of this ESOP, including:*

- Ban hành Quy chế phát hành cho người lao động để thực hiện phương án này;  
*To publish the regulation on ESOP issuance to the employee to implement this plan;*
- Lập phương án phát hành chi tiết bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Số lượng cổ phần phát hành; (ii) Giá phát hành; (iii) Thời điểm phát hành và (iv) Thời gian hạn chế chuyển nhượng phù hợp;  
*To set a detail plan, including but not limited to: (i) number of issued shares; (ii) issue price; (iii) appropriate duration for share transferring limitation.*
- Quyết định tiêu chí, danh sách Cán bộ nhân viên, Thành viên đủ điều kiện tham gia chương trình và số lượng cổ phần phát hành cho từng Cán bộ nhân viên, Thành viên;  
*To define the criteria for selecting eligible employees or members for the ESOP and the specific number of shares for each employee or member.*
- Xử lý số lượng cổ phần phát hành không được đăng ký mua hết (nếu có);  
*To define a solution for purchased shares (if any);*
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phần theo chương trình ESOP với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC"), bổ sung hoặc sửa đổi phương án theo yêu cầu của SSC hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);  
*To conduct needed registration procedures for ESOP issuance with The State Securities Committee of Vietnam (SSC), update or adjust the solution according to the feedback from SSC or to make sure the solution is in compliance with the current regulations (if any).*
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung số cổ phần phát hành theo chương trình ESOP trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;  
*To do the required procedures to deposit the additional shares for ESOP on the Securities Depository Center.*
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để niêm yết bổ sung số cổ phần phát hành theo chương trình ESOP trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;  
*To conduct the needful procedures to list the additional shares issued in accordance to ESOP solution on Ho Chi Minh City Stock Exchange.*



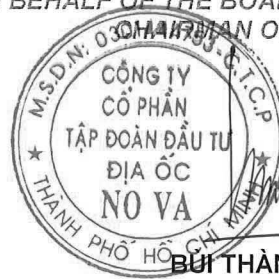
*Vu*

- Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần Vốn điều lệ và thực hiện các thủ tục tăng Vốn điều lệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM sau khi kết thúc việc phát hành ESOP;  
*To adjust the Company regulation on charter capital and conduct the procedures for charter capital increment with the Department of planning and investment of Ho Chi Minh city*
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định mua lại và sử dụng cổ phần khi người được quyền mua theo chương trình ESOP nghỉ việc;  
*To authorize the BOD to decide to acquire and use the amount of shares when the eligible employees resign.*
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn thành các nội dung công việc được giao;  
*To do the other related tasks to complete the assignment.*
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.  
*Depending on specific situation, the BOD authorizes CEO to conduct one or some specific tasks mentioned above.*

Kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua.

*Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN OF THE BOARD



BUI THANH NHON



Vu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/No.:...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
*Law on Enterprises No.68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup>, 2014;*
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;  
*Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup>, 2006;*
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;  
*Law on Amending, supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup>, 2010;*
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.  
*The current business results of No Va Land Investment Group Corporation.*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ..../..../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") dated ..... , 2019.*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua kế hoạch Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("**ESOP**") năm 2019 của Công Ty như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of The Company's Employee Stock Ownership Plan ("**ESOP**") plan 2019 as follows:

**I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH:**  
**DETAILED PLAN:**

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va  
*Name of share: No Va Land Investment Group Corporation share*
- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông  
*Type of share: Ordinary share*

|   |                                                                                            |                                                                                                                                                                                             |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| – | <b>Mệnh giá:</b><br><i>Par value:</i>                                                      | 10.000 đồng/cổ phần<br>VND 10,000 per share                                                                                                                                                 |
| – | <b>Đối tượng chào bán:</b><br><i>Eligible buyer:</i>                                       | Thành viên HĐQT và nhân sự chủ chốt của Công ty theo danh sách do HĐQT phê duyệt<br>Members of the Board of Directors (BOD), key personnel of the Company as approved by the BOD            |
| – | <b>Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:</b><br><i>Expected number of issued shares:</i>     | Tối đa 2% số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành<br>Maximum 2% of total outstanding shares at the time of issuance                                                    |
| – | <b>Giá chào bán:</b><br><i>Issuing price:</i>                                              | Do HĐQT phê duyệt nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần<br>As decided by the BOD but no less than VND 10,000 per share                                                                   |
| – | <b>Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:</b><br><i>Total issuance amount at par value:</i> | Tối đa 2% tổng giá trị cổ phần đang lưu hành theo mệnh giá của Công ty tại thời điểm phát hành<br>Maximum 2% of the total par value of the total outstanding shares at the time of issuance |
| – | <b>Hạn chế chuyển nhượng:</b><br><i>Transfer restriction:</i>                              | Theo quy định trong Quy chế phát hành cho người lao động do HĐQT quyết định tại thời điểm phát hành<br>Following the ESOP issuance policy as decided by the BOD at the issuance time        |
| – | <b>Thời gian thực hiện:</b><br><i>Issuance Timing:</i>                                     | Trong năm 2019<br>In 2019                                                                                                                                                                   |
| – | <b>Mục đích phát hành:</b><br><i>Purpose:</i>                                              | Gắn kết lợi ích của nhân viên với Công ty<br>Integrating the benefits of employees with the Company                                                                                         |

**ĐIỀU 2:** Ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến kế hoạch phát hành ESOP, cụ thể như sau.

**ARTICLE 2:** Authorizing the BOD to decide all related matters of this ESOP, including:

- Ban hành Quy chế phát hành cho người lao động để thực hiện phương án này;  
*To publish the regulation on ESOP issuance to the employee to implement this plan;*
- Lập phương án phát hành chi tiết bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Số lượng cổ phần phát hành; (ii) Giá phát hành; (iii) Thời điểm phát hành và (iv) Thời gian hạn chế chuyển nhượng phù hợp;  
*To set a detail plan, including but not limited to: (i) number of issued shares; (ii) issue price; (iii) appropriate duration for share transferring limitation;*
- Quyết định tiêu chí, danh sách Cán bộ nhân viên, Thành viên đủ điều kiện tham gia chương trình và số lượng cổ phần phát hành cho từng Cán bộ nhân viên, Thành viên;  
*To define the criteria for selecting eligible employees or members for the ESOP and the specific number of shares for each employee or member;*
- Xử lý số lượng cổ phần phát hành không được đăng ký mua hết (nếu có);  
*To define a solution for purchased shares (if any);*

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phần theo chương trình ESOP với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”), bổ sung hoặc sửa đổi phương án theo yêu cầu của SSC hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);  
*To conduct needed registration procedures for ESOP issuance with The State Securities Committee of Vietnam (SSC), update or adjust the solution according to the feedback from SSC or to make sure the solution is in compliance with the current regulations (if any);*
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung số cổ phần phát hành theo chương trình ESOP trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;  
*To do the required procedures to deposit the additional shares for ESOP on the Securities Depository Center;*
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để niêm yết bổ sung số cổ phần phát hành theo chương trình ESOP trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;  
*To conduct the needful procedures to list the additional shares issued in accordance to ESOP solution on Ho Chi Minh City Stock Exchange;*
- Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần Vốn điều lệ và thực hiện các thủ tục tăng Vốn điều lệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM sau khi kết thúc việc phát hành ESOP;  
*To adjust the Company regulation on charter capital and conduct the procedures for charter capital increment with the Department of planning and investment of Ho Chi Minh city;*
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định mua lại và sử dụng cổ phần khi người được quyền mua theo chương trình ESOP nghỉ việc;  
*To authorize the BOD to decide to acquire and use the amount of shares when the eligible employees resign;*
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn thành các nội dung công việc được giao;  
*To do the other related tasks to complete the assignment;*
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.  
*Depending on specific situation, the BOD authorizes CEO to conduct one or some specific tasks mentioned above.*

**ĐIỀU 3:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 3:** *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---  
Số: 10/2019-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

---o0o---  
TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2019  
Ho Chi Minh City, April 04<sup>th</sup> 2019

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v Điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần phổ thông để  
chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi  
Re. Amendment of issuing time of Ordinary Share issuance  
for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares

### Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 64/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản khác có liên quan;  
Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup> 2014 and other guiding documents;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006, Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan;  
Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup> 2006; Law on Amendment and Supplement to Securities Law No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup> 2010 and other guiding documents;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 14/2018-NQ.DHĐCĐ-NVLG ngày 26/4/2018 về việc thông qua kế hoạch phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi năm 2015 ("Nghị quyết 14");  
Resolution of Annual General Shareholders' Meeting 2018 No. 14/2018-NQ.DHĐCĐ-NVLG dated April 26<sup>th</sup> 2018 approving common share issuance plan for conversion of Y2015 Convertible Dividend Preferred Shares ("Resolution 14");
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2019-NQ.DHĐCĐ-NVLG ngày 04/01/2019 về việc thông qua kế hoạch phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi ("Nghị quyết 03");  
Resolution of Annual General Shareholders' Meeting No. 03/2019-NQ.DHĐCĐ-NVLG dated January 04<sup>th</sup> 2019 approving common share issuance plan for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares ("Resolution 03");
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va;  
Pursuant to Charter of No Va Land Investment Group Corporation;

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") phê chuẩn việc điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần tại Phương án phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi đã được thông qua tại Nghị quyết 14 và Nghị quyết 03 như sau:

The Board of Directors ("BOD") would like to submit General Meeting of Shareholders ("GMS") to approve the amendment the timeline for common share issuance for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares in the Resolution 14 and Resolution 03 as followings:

Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.



✓

| STT /<br>NO. | Nội dung thông qua tại Nghị quyết<br>ĐHĐCĐ phát hành cổ phần để<br>chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi<br>Cổ Tức Chuyển Đổi /<br><i>Approved timeline in Resolution of General<br/>Shareholders' Meeting to approve common<br/>share issuance for convetsion of<br/>Convertible Dividend Preferred Share</i> | Nội dung điều chỉnh / <i>Amended timeline</i>                                |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1            | <u>Thời điểm phát hành:</u> Q1-Q2/2019<br><i>Issuing time: Q1-Q2/2019</i>                                                                                                                                                                                                                          | <u>Thời điểm phát hành:</u> Trong năm 2019 /<br><i>Issuing time: in 2019</i> |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submitting to the GMS for consideration and approval.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOD  
CHAIRMAN OF THE BOARD



BÙI THÀNH NHƠN



Bản dịch chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho bản chính thức. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*The translation is for informational purposes only, and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.*

*Vu*



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
NO VA LAND INVESTMENT  
GROUP CORPORATION

---o0o---

Số/ No.:...../2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

TP. HCM, ngày .... tháng .... năm 2019  
Ho Chi Minh City, ..... 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**  
**RESOLUTION OF THE 2019 ANNUAL GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

**Căn cứ/ Pursuant to:**

- Luật Doanh nghiệp số 64/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản khác có liên quan;  
*Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated November 26<sup>th</sup> 2014 and other guiding documents;*
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006, Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan;  
*Law on Securities No. 70/2006/QH11 issued by National Assembly dated June 29<sup>th</sup> 2006; Law on Amendment and Supplement to Securities Law No. 62/2010/QH12 issued by National Assembly dated November 24<sup>th</sup> 2010 and other guiding documents;*
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 14/2018-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG ngày 26/4/2018 về việc thông qua kế hoạch phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi năm 2015 (“Nghị quyết 14”);  
*Resolution of Annual General Shareholders’ Meeting 2018 No. 14/2018-NQ.DHDCD-NVLG dated April 26<sup>th</sup> 2018 approving common share issuance plan for conversion of Y2015 Convertible Dividend Preferred Shares (“Resolution 14”);*
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2019-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG ngày 04/01/2019 về việc thông qua kế hoạch phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi (“Nghị quyết 03”);  
*Resolution of Annual General Shareholders’ Meeting No. 03/2019-NQ.DHDCD-NVLG dated January 04<sup>th</sup> 2019 approving common share issuance plan for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares (“Resolution 03”);*
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va;  
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation;*
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty ..../..../2019.  
*The Meeting minutes of the 2019 Annual General Meeting of Shareholders (“AGM”) dated ....., 2019.*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLVE**

**ĐIỀU 1:** Thông qua việc điều chỉnh thời gian phát hành cổ phần tại Phương án phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi đã được thông qua tại Nghị quyết 14 và Nghị quyết 03 như sau:

**ARTICLE 1:** Approval of the amendment the timeline for common share issuance for conversion of Convertible Dividend Preferred Shares in the Resolution 14 and Resolution 03 as followings:

| STT /<br>NO. | <p><b>Nội dung thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ phát hành cổ phần để chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Chuyển Đổi /</b><br/> <i>Approved timeline in Resolution of General Shareholders' Meeting to approve common share issuance for conversion of Convertible Dividend Preferred Share</i></p> | <p><b>Nội dung điều chỉnh /</b><br/> <i>Amended timeline</i></p>                    |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1            | <p><u>Thời điểm phát hành:</u> Q1-Q2/2019<br/> <i>Issuing time: Q1-Q2/2019</i></p>                                                                                                                                                                                                            | <p><u>Thời điểm phát hành:</u> Trong năm 2019<br/> <i>Issuing time: in 2019</i></p> |

**ĐIỀU 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**ARTICLE 2:** This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD and related persons are required to execute the tasks in accordance with this Resolution.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*ON BEHALF OF GENERAL*  
*MEETING OF SHAREHOLDERS*  
*CHAIRMAN OF THE BOARD*

**BÙI THÀNH NHƠN**